

Thái Hư Đại Sư giảng  
Thích Pháp Chánh dịch

# Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Luận



Tường Quang Tùng Thư  
Phật Lịch 2562, TL 2018

# Mục Lục

<b>A1. THÍCH DANH.....</b>	<b>4</b>
B1. LIỆT KÊ CÁC DANH HIỆU CỦA KINH. ....	4
B2. ẮN ĐỊNH TÊN KINH HIỆN NAY.....	6
B3. PHÂN TÍCH DANH NGHĨA.....	7
<i>C1. Đại Thừa. ....</i>	<i>7</i>
D1. Đại bạch ngưu.....	7
D2. Đại xa (xe lớn):.....	8
D3. Tùy tùng.....	8
<i>C2. Diệu Pháp. ....</i>	<i>9</i>
<i>C3. Liên Hoa.....</i>	<i>11</i>
<i>C4. Kinh.....</i>	<i>14</i>
B4. TỔNG HỢP DANH NGHĨA.....	14
<b>A2. ĐỀ CƯƠNG.....</b>	<b>15</b>
B1. TUYỆT ĐÃI DIỆU CỦA NGÀI THIÊN THAI TRÍ GIẢ.....	15
B2. THỪA QUYỀN THỰC THÂN QUYỀN THỰC CỦA NGÀI CÁT TẠNG.....	16
B3. CẢNH HÀNH QUẢ CỦA NGÀI KHUY CƠ. ....	17
B4. GIÁO LÝ HÀNH QUẢ.....	17
<i>C1. Khai Phật tri kiến khiến tin giáo pháp của Pháp Hoa.....</i>	<i>18</i>
<i>C2. Thị Phật tri kiến hiểu rõ nghĩa lý của Pháp Hoa.....</i>	<i>18</i>
D1. Nêu lên nghĩa lý Pháp Hoa.....	19
D2. Hiểu rõ nghĩa lý Pháp Hoa.....	19
D3. Giải lý lưu thông.....	20
<i>C3. Ngộ Phật tri kiến tu Pháp Hoa hạnh.....</i>	<i>21</i>
D1. Chánh thuyết diệu hạnh.....	22
E1. Y quả khởi hạnh.....	22
E2. Nhờ hạnh nêu quả.....	22
E3. Nêu công đức để khuyến tu.....	23
E4. Nêu đức tác chứng.....	23
D2. Lưu thông diệu hạnh.....	24
<i>C4. Nhập Phật tri kiến chứng đắc quả vị của Pháp Hoa.....</i>	<i>24</i>
D1. Chứng quả tự lợi.....	24
D2. Chứng quả lợi tha.....	25
D3. Chứng quả nhị lợi.....	25
<b>A3. KHẢO KINH.....</b>	<b>26</b>
B1. NGUỒN GỐC CỦA KINH PHẬT.....	26
B2. PHẬT KINH KẾT TẬP.....	27
B3. SỰ LƯU TRUYỀN CỦA KINH PHẬT.....	28
B4. BỐN KINH PHIÊN DỊCH.....	29
B5. THỨ TỰ CÁC PHẨM TRONG KINH.....	30
B6. BỐN KINH GIẢNG TỤNG.....	33

# Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Luận

Thái Hư Đại Sư giảng  
Tứ Minh Diên Khánh Tự, tháng tư năm 1934  
Thích Pháp Chánh dịch

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa từ lúc dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hoa đến nay đã gần một ngàn sáu bảy trăm năm. Trong những bộ kinh lớn ở Trung Quốc, bộ kinh được mọi người đọc tụng, nghiên cứu, lưu hành phổ biến nhất, hoằng dương long thịnh nhất chính là bộ kinh này. Đây là do chúng sinh xứ này đặc biệt có đầy đủ căn tánh Đại thừa, cho nên các kinh điển được đọc tụng, hoằng truyền, phần lớn là Đại thừa, đặc biệt kinh này là thịnh hành nhất. Xưa nay ở mọi nơi, thỉnh thoảng có [pháp hội] đọc tụng hoặc giảng giải [kinh Pháp Hoa], nhưng ở xứ Ninh ba này, sự hoằng dương lưu hành [kinh này] lại càng thịnh hành hơn. Như người Ninh Ba biết có kinh điển Đại thừa, tức là liên hệ đến kinh này. Hiện nay, đạo tràng Diên Khánh Tự này lại là nơi mà ngài Trí Giả Đại Sư đời Tống đã từng hoằng dương kinh này. Nhân vì phái Thiên Thai tôn sùng kinh Pháp Hoa, cho nên các vị hoằng truyền kinh Pháp Hoa sau này đều tôn sùng ngài Trí Giả Đại Sư. Đương thời, ngài Trí Giả giảng thuyết kinh này được ghi lại lưu truyền đến đời sau gồm có hai bộ là Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Pháp Hoa Văn Cú. Pháp Hoa Huyền Nghĩa giảng giải ý nghĩa thâm sâu huyền diệu của kinh, Pháp Hoa Văn Cú giải thích ý nghĩa của kinh văn, phân tích từng câu từng chữ. Ý nghĩa của hai bộ sách này rộng lớn sâu xa, muốn nghiên cứu tường tận cũng không phải là điều dễ dàng. Cho nên hiện nay tôi (Thái Hư) chỉ ghi lại những ý tưởng chính yếu của ngài Trí Giả Đại Sư, nêu lên sơ lược để cho những người học Phật sơ cơ dễ hiểu.

Ngài Trí Giả Đại Sư giải thích đề kinh dùng Ngũ trùng huyền nghĩa: (1) Danh: kinh này dùng pháp và dụ làm danh. (2) Thể: dùng thực tướng của các pháp làm thể. (3) Tông: dùng nhân quả Nhất thừa làm tông. (4) dùng đoạn nghi sinh tín làm dụng. (5) Giáo: dùng vô thượng đề hồ làm giáo tướng.

Trong phần Ngũ trùng huyền nghĩa, trước tiên dùng Thất phiên cộng giải<sup>1</sup>. Tương truyền, ngài Trí Giả trong chín tuần (90 ngày) chỉ giảng về ý nghĩa của một chữ "Diệu", mà vẫn chưa khai triển hết ý nghĩa của nó, đủ biết là nội dung sâu rộng biết chừng nào.

---

<sup>1</sup> Thất phiên cộng giải: (1) Tiêu chương, (2) Dẫn chứng, (3) Sinh khởi, (4) Khai hợp, (5) Liệt giản, (6) Quán tâm, (7) Hội dị. Tiêu chương để ghi nhớ trợ trì, khởi NIỆM TÂM. Dẫn chứng: căn cứ vào lời Phật, khởi TÍN TÂM, Sinh khởi: khiến khởi tập niệm, khởi ĐỊNH TÂM. Ba phần Khai hợp, Liệt giản, và Hội dị là khởi TUỆ TÂM. Quán tâm, tức là tức nghe tức hành (nghe xong là tu tập liền), khởi [TINH] TẤN TÂM. Năm tâm (NIỆM, TÍN, TẤN, ĐỊNH, TUỆ) lập, thành năm CĂN, diệt trừ năm chướng (năm CÁI), thành năm LỢC, nhấn đến nhập Tam Giải Thoát Môn, v.v...

Cho nên hiện nay tôi y cứ vào ý nghĩa đó mà cải biến để giải thích thành bốn phần như sau: (1) Thích danh, (2) Đề cương, (3) Khảo kinh, và (4) Giải văn.

## **A1. Thích danh.**

Thích danh, tức là "danh" trong Ngũ trùng huyền nghĩa. "Thế, tông, dụng" cũng có thể nhiếp vào phần thích danh này. Nếu như thâm nhiếp không hết thì trong phần Đề cương cũng sẽ thâm nhiếp hết.

## **B1. Liệt kê các danh hiệu của kinh.**

Danh hiệu của kinh này nằm rải rác trong kinh văn, có nhiều danh hiệu khác nhau. Y cứ vào Pháp Hoa Luận của Bồ tát Thế Thân (Vasubandhu) có mười bảy danh hiệu khác nhau. Thông thường, danh hiệu của các kinh đều là vào lúc giảng kinh đến phần lưu thông, các vị Bồ tát, hoặc Thanh văn thừa hỏi đức Phật, như nói: "Bạch đức Thế Tôn, kinh này được đặt tên là gì? Chúng con phải phụng trì thế nào?" Sau đó đức Phật mới định xuất tên kinh. Chỉ riêng kinh này không phải như vậy. Lúc trước khi đức Phật giảng nói kinh này, do vì Ngài nhập tam muội Vô lượng nghĩa xứ, trời mưa bốn loại hoa, mặt đất hiện sáu loại chấn động, ngài Bồ tát Di Lạc đặt câu hỏi với ngài Bồ tát Văn Thù, thì ngài Văn Thù đã nêu lên tựa đề của kinh, cho nên biết rằng không cần phải đợi đến phần lưu thông do thừa hỏi mới đặt tựa đề cho kinh. Mười bảy tên cho kinh này là:

(1) Vô Lượng Nghĩa: Trước khi đức Phật nói kinh này, Ngài đã giảng kinh Vô Lượng Nghĩa. Đại khái là chỗ chứng đắc của đức Phật rất thâm sâu, Ngài vì chúng sinh cho nên đã từ Một thực tướng mà giảng nói Vô lượng nghĩa, cho nên đặt tên.

(2) Tối Thắng: Kinh này "thuần viên độc diệu"<sup>2</sup>, vượt hơn (thắng) tất cả pháp môn thô thiển đã được giảng nói trong hơn bốn mươi năm trước.

(3) Đại Phương Đẳng: Nghĩa là Đại thừa, như tiêu đề của kinh này.

(4) Giáo Bồ Tát Pháp: Nghĩa là kinh này là giáo pháp giảng dạy cho hàng Bồ tát Đại thừa, không phải là giáo pháp giảng dạy cho hàng Tiểu thừa, dù có hàng Tiểu thừa ngồi trong pháp hội cũng dẫn dắt họ về Nhất thừa.

(5) Phật Sở Hộ Niệm: Nêu rõ kinh này vi diệu hiếm có, được chư Phật ở mười phương hộ niệm, giống như các kinh A Di Đà, v.v..., cũng được chư Phật hộ niệm.

---

<sup>2</sup> Thuần viên độc diệu: theo Thiên Thai Tông, kinh Pháp Hoa là "đề hồ thượng vị, thuần nhất vô tạp" (mùi vị đề hồ vô thượng, thuần túy không xen tạp) cho nên gọi là "thuần viên độc diệu."

(6) Chư Phật Bí Tạng: Kinh này là nơi cất chứa tất cả pháp tạng mà chư Phật chứng đắc và giảng nói.

(7) ?

(8) Nhất Thiết Phật Mật Tụ: Kinh này hàm nhiếp trăm ngàn Đà la ni, v.v..., vô lượng Bí mật chú, thiện xảo ngôn từ của tất cả chư Phật ba đời.

(9) Sinh nhất thiết Phật: Giáo pháp vi diệu này xuất sinh tất cả chư Phật.

(10) Nhất Thiết Phật Đạo Trường: Kinh này là đạo trường mà chư Phật đã ngồi, tức là Bồ đề mà chư Phật chứng đắc. Pháp Bồ đề được chứng đắc, tức là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên kinh này có thể gọi là Đạo Trường của chư Phật.

(11) Nhất Thiết Phật Sở Chuyển Pháp Luân: Chư Phật mười phương, từ căn bốn trí chứng đắc Chân như, vì muốn độ chúng sinh cho nên khởi tâm Đại bi, tuyên dương giáo pháp mà mình đã tự chứng đắc. Người nghe pháp do lãnh giải, tu tập, dần dần ngộ nhập tri kiến của Phật; do Phật tự chứng pháp giới, triển chuyển thâm nhập vào tâm thức của chúng sinh, khiến cho phiền não chuyển thành Bồ đề, sinh tử chuyển nhập Niết bàn, mối quan hệ giữa Phật và chúng sinh cũng giống như bánh xe lăn trong. Bốn hoài của chư Phật ba đời xuất hiện nơi thế gian không có gì ngoài việc khiến cho chúng sinh chứng đắc những gì mà các Ngài đã chứng đắc, giác ngộ những gì mà các Ngài đã giác ngộ, và đây là điều mà kinh này đã giảng nói rõ ràng.

(12) Nhất Thiết Chư Phật Kiên Cố Xá Lợi: Sau một thời kỳ hóa duyên đã hoàn tất, chư Phật bèn nhập Niết bàn. Nhưng vì muốn lợi ích trời người trong đời vị lai, các Ngài bèn từ sắc thân lưu lại những xá lợi kiên cố, khiến cho người đời sau thấy được ben cúng dường, trồng các căn lành. Xá lợi trụ thế cũng giống như chư Phật còn ở tại thế gian. Cho nên phẩm Như Lai Thọ Lượng trong kinh này nêu rõ Phật thọ mạng vô lượng, tùy thời tùy xứ thị hiện thành Phật, vì muốn chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, ở vô lượng cõi nước, dùng đủ phương pháp để giáo hóa. Pháp này lưu truyền ở thế gian khiến cho mọi người thâm nhập trí tuệ của Phật, cũng giống như Phật khi nhập diệt, sắc thân lưu lại xá lợi. Cho nên nói: "Nơi nào có kinh điển, tức là thân xá lợi của đức Như Lai." Trung tựa đề của kinh, giáo pháp (năng thuyết) và nghĩa lý (sở thuyết) đều kiên cố không thể phá hoại.

(13) Chư Phật Đại Xảo Phương Tiện: Chư Phật vì muốn lợi lạc chúng sinh, dùng [đại] quyền thiện xảo, thi thiết vô lượng ngôn giáo, phàm những gì nói ra làm ra đều là vì muốn chúng sinh thành Phật. Thế nhưng, sự thuyết pháp của các Ngài không có một hình tướng cố định, chẳng hạn như trong phẩm Phương Tiện nói: hướng về [tượng] Phật, giơ một tay, hoặc cúi đầu, hoặc chấp một tay, hoặc niệm một câu "Nam mô Phật",

hoặc sinh một niệm hoan hỷ, nhấn đến trẻ con chơi đùa, tụ cát thành tháp Phật, ..., chỉ một lần phát sinh quan hệ với Phật, kinh Pháp Hoa đã hiển thị rõ ràng là tất cả đều sẽ thành Phật. Như trong kinh đã nêu rõ các vị Thanh văn, v.v..., đều được thọ ký (thành Phật), thậm chí ngay cả người đã từng phá hoại hủy báng Phật pháp là Đề Bà Đạt Đa cũng được thọ ký thành Phật. Cho nên y vào bốn ý của kinh Pháp Hoa, dù tán thán, dù hủy báng đều tạo tác nhân duyên thù thắng để thành Phật, phổ bị tất cả căn cơ, đều được thấm nhuần sữa pháp (Hán: ân triêm pháp nhũ).

(14) Thuyết Nhất Thừa: Kinh này chỉ hiển thị một pháp Nhất thừa, không có hai thừa, hoặc ba thừa, "Chư Phật giảng nói chỉ có Nhất thừa." Ý thú của chư Phật bình đẳng, chỉ là muốn cho chúng sinh chứng ngộ Diệu pháp Nhất thừa.

(15) Đệ Nhất Nghĩa Trụ: Đệ nhất nghĩa trụ, tức là ý nghĩa tối thắng, nghĩa là "Thực tướng của các pháp, chỉ có chư Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo", "các pháp tướng tịch diệt, không thể dùng lời nói để tuyên dương." Tức là chánh hiển "diệu chân như tính" mà chư Phật tự chứng. Kinh này dùng "thực tướng của các pháp" làm thể, cũng tức là từ phương diện "đệ nhất nghĩa trụ" mà nêu rõ.

(16) Diệu Pháp Liên Hoa: tức là đề kinh hiện nay, phần dưới sẽ giải thích rõ ràng.

(17) Nhiếp Vô Lượng Danh Cú Văn Thân: Không những nghĩa lý được giải thích từ những tên kinh vừa nêu trên là vô lượng, mà ngay cả những lời dạy văn, cú, danh, thân cũng là vô lượng. Những người thông thường đều cho rằng ngoài bộ kinh này ra còn có những kinh khác, thật ra chỉ một bộ kinh này là có thể thâm nhiếp tất cả vô lượng những kinh điển khác. Những lời dạy của chư Phật mười phương ba đời đều không ra ngoài những lời dạy của bộ kinh này.

Phần trên liệt kê mười bảy đề kinh, trong phần kinh văn, nơi nơi đều có nêu rõ, hoặc đề cập đến, không phải do có người thừa thỉnh sau đó đức Phật mới ấn định danh hiệu. Chẳng qua sự kiện rõ ràng nhất của sự đặt tên kinh [khác thường này] là chỉ có kinh Pháp Hoa. Tuy đã nêu rõ mười bảy đề kinh, cũng có thể có những tên khác mà chúng ta chưa thể nêu ra hết.

## **B2. Ấn định tên kinh hiện nay.**

Trong các kinh, có người gọi kinh này là Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc thêm hai chữ Đại Thừa, tức là Đại Phương Đẳng, tên thứ ba trong mười bảy đề kinh, mà cũng tức là Đại Phương Quảng, tức là nhiếp vào phần Phương quảng trong Mười hai phần giáo. Y cứ Du Già Sư Địa Luận, Tiểu thừa thông cả mười một phần giáo, Đại thừa chỉ là Phương quảng. Cho nên y vào Đại Phương Quảng, kinh này cũng có thể gọi là kinh Đại Phương Đẳng. Kinh này, xưa nay truyền dịch, cũng có tên gọi khác nhau. Như ngài Trúc Pháp Hộ dịch là

Chánh Pháp Hoa Kinh, còn Cưu Ma La Thập và ngài Xa Na Cấp Đa thì dịch là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Khảo cứu tiếng Phạn, hai chữ "chánh" và "diệu" có ý nghĩa tương cận. Nếu như chú trọng về phương diện "chính xác", điều này đúng với bốn ý của đức Phật, cho nên gọi là Chánh. Nếu như chú trọng phương diện "tận thiện tận mỹ", "trang nghiêm viên mãn" mà nói thì dịch ra chữ "diệu" có vẻ viên mãn hơn. Cho nên trong mười bảy đề kinh, chỉ chọn đề kinh thứ mười sáu "Diệu Pháp Liên Hoa" để xác định đề kinh hiện nay, hoặc thêm hai chữ Đại Thừa, tức là lấy thêm đề kinh thứ ba.

### **B3. Phân tích danh nghĩa.**

#### **C1. Đại Thừa.**

Tiếng Phạn "Ma Ha", xứ này gọi là Đại. Đại là đối với "tiểu" mà nói, phi đại phi tiểu, xứng với pháp tính, cho nên gọi là Đại, tuyệt đãi tuyệt đối, cho nên gọi là Đại. "Thừa", có nghĩa là vận tải (chuyên chở). Y vào giáo pháp do đức Phật giảng nói mà tín giải tu tập thì có thể được "chở" ra khỏi biển sinh tử, đến bờ Niết bàn, cho nên được gọi là "thừa." Chư Phật ý nguyện bình đẳng, đều muốn tất cả chúng sinh thành Phật, nhưng căn cơ chúng sinh có "đại", có "tiểu", không xứng với ý nguyện của Phật, cho nên chuyên chở có hạn. Nếu hiểu rõ ý nguyện của Phật, thì sự "vận tải" sẽ có công dụng vô lượng vô biên, cho nên gọi là Đại thừa.

Các kinh luận giảng ý nghĩa "Đại thừa" cũng có sự khác biệt. Như Đại Thừa Khởi Tín Luận y cứ ba "đại": thể, tướng, dụng mà "vận tải" chúng sinh phàm phu đến Như Lai địa, đây là Đại thừa dành cho các vị Đại bồ tát tu tập. Y cứ vào Tam Đức của Thiên Thai Tông mà nói: thể đại, tức là pháp thân đức; tướng đại, tức là Bát nhã đức; dụng đại là giải thoát đức. Bí tạng của ba Đức là chỗ uyên thâm (Hán: áo phủ) của các pháp, bao hàm tất cả, dung chứa tất cả, cho nên gọi là Đại thừa. Du Già Sư Địa Luận dùng bảy nghĩa để nêu rõ ý nghĩa của Đại thừa, tức là: Pháp đại, Tâm đại, Giải đại, Tịnh tâm đại, Chúng tụ đại, Thời đại, Đắc đại. Còn như Thiên Thai Tông thì dùng mười pháp để thành lập [Đại] thừa: quán tâm, khởi tâm, thiện xảo chỉ quán, phá pháp biến, thức thông tắc, đối trị trợ, tri thứ vị, năm an nhẫn, tu đạo phẩm, vô pháp ái. Xưa nay các vị cổ đức tuy có nhiều cách giải thích "Đại thừa", nhưng hiện nay tôi (Thái Hư) y cứ vào ví dụ Đại bạch ngưu xa (Xe bò trắng lớn) trong phẩm Thí Dụ trong kinh Pháp Hoa để hiển thị tự thể của Đại thừa, nghĩa là kinh này từ "pháp, dụ" đặt tên cho nên gọi là Đại Thừa Kinh, còn nếu y vào ví dụ mà đặt tên thì có thể gọi là Đại Bạch Ngưu Xa Kinh.

#### **D1. Đại bạch ngưu.**

Đây là ví dụ cho căn bốn trí, tức là Bát nhã vô phân biệt trí. Chư Phật dùng đủ mọi phương tiện thuyết pháp khác nhau, nhưng vô phân biệt trí chứng đắc vô phân biệt lý, tức là "lý thực tướng" của các pháp [trong kinh Pháp Hoa] là đồng nhất. Trong kinh hiển thị sự thù thắng của Đại bạch ngưu có năm nghĩa: (1) Màu da thuần khiết, (2) hình thể

đẹp đẽ, (3) có sức mạnh lớn, (4) đi đứng ngay thẳng, (5) lướt nhanh như gió. Trong đây, "màu da thuần khiết" hiển thị Bát nhã trí tinh thuần không tạp, không phiền não chướng, sở tri chướng. "Hình thể đẹp đẽ" biểu thị Bát nhã trí "ly quá tuyệt phi" (không còn lỗi lầm). "Có sức mạnh lớn": thứ nhất, ví dụ cho Bát nhã trí trùm khắp mọi nơi, chiếu khắp mọi nơi, giống như con bò trắng lớn có đủ sức mạnh, không có pháp nào mà không chiếu đến; thứ hai, ví dụ cho Bát nhã trí, trên đường sinh tử hiểm nạn, được sự tự tại, giống như con bò trắng lớn đầy đủ sức mạnh, xung phong chiến trận, vào sinh ra tử mà không sợ hãi trốn tránh; thứ ba, ví dụ Bát nhã trí, đối với phiền não ma, ngũ ấm ma, tử ma, thiên ma, đều hủy diệt không còn dư thừa, giống như con bò trắng lớn có đủ sức mạnh, có thể hủy diệt tất cả oán địch. "Đi đứng ngay thẳng", ví dụ cho trí tuệ chứng đắc chân lý, không nghiêng lệch sinh tử, không nghiêng lệch Niết bàn, tịch chiếu đồng thời, không nghiêng không dựa, giống như con bò trắng lớn đi trên đường phẳng, bước chân cân bằng, không nghiêng không trật. "Lướt nhanh như gió", ví dụ Bát nhã trí, trong một sát na, thâm nhập pháp giới, đạt đến quả Bồ đề của Phật.

## **D2. Đại xa (xe lớn):**

Đây là ví dụ cho Hậu đắc trí, từ căn bốn vô phân biệt trí phát khởi các loại trí tuệ vi diệu soi chiếu các pháp, hóa độ chúng sinh. Trong kinh có mười ví dụ: (1) Xe ấy cao rộng: ví dụ cho thể của hậu đắc trí, cao vượt ba đời, rộng khắp mười phương; (2) trang hoàng bằng các thứ trân bảo: ví dụ cho hậu đắc trí ở nơi các Bồ tát, nhân hạnh sai khác muôn vạn, đạt được thành quả vô lượng vô biên công đức trang nghiêm; (3) lan can bao quanh: ví dụ đức Phật chứng được tất cả pháp đà la ni, tổng trì đều không bị mất mát; (4) chuông nhỏ treo bốn phía: ví dụ cho tứ vô ngại biện của Phật, bát âm đồng thời vang vọng, có thể khiến cho người nghe đều sinh lòng kính tin; (5) phía trên treo màn: ví dụ cho tứ vô lượng tâm, từ bi bao trùm tất cả; (6) trang trí bằng những loại châu báu quý lạ: ví dụ Phật bao nhiếp hết tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không có pháp nào mà không phải là phương tiện rộng lớn để thành Phật; (7) dây báu kết với nhau khiến cho xe lớn kiên cố: ví dụ cho đức Phật khi tu nhân, tu tập bốn thế nguyện rộng lớn, đến lúc thành Phật, do các nguyện lực khởi động, bèn tự tại thực hành bốn hạnh nguyện rộng lớn; (8) treo các tràng hoa: ví dụ cho đức Phật thực hành Bốn nhiếp pháp, nhiếp hóa tất cả chúng sinh, các loại thần thông, giác tỉnh tất cả chúng sinh, nhiếp đến mười tám pháp bất cộng, mỗi pháp đều là công cụ nhiếp hóa chúng sinh; (9) nệm gối mềm mại trải chõng: nệm gối mềm mại chỉ cho sàn xe được lót bằng nệm lông thú, ví dụ hậu đắc trí của Phật có thể thường tương ưng với thiên định thế gian, nhiếp đến vô thượng thâm diệu thiên xuất thế gian của Đại thừa; (10) đặt gối màu hồng, ví dụ cho hậu đắc trí của Phật phương tiện tự tại.

## **D3. Tỳ tỳ.**



Ví dụ cho [Đại thừa] tự thể của hai trí: căn bản trí và hậu đắc trí của quả Phật, viên chiếu tính tướng của các pháp, trong tính tướng bình đẳng dùng các loại phương tiện thiện xảo giáo hóa các chúng sinh Ngũ thừa, Tam thừa, đều là tùy tùng của Đại thừa. Lại như, khi chiếc xe bò trắng lớn khởi hành thì có nhiều hộ vệ tháp tùng. Nói tóm, xe bò trắng lớn hiển thị tự thể của Đại thừa, hộ vệ tháp tùng là từ Đại thừa tự thể bình đẳng lưu xuất các loại giáo hóa Ngũ thừa, Tam thừa tùy tùng Đại thừa, được hàm nhiếp bởi Đại thừa. Đây là y cứ kinh văn mà giải thích ý nghĩa của Đại thừa.

## C2. Diệu Pháp.

Mỹ thiện tinh vi đến cực điểm gọi là Diệu, cực diệu đến trình độ bất khả tư nghì. Pháp có hai nghĩa: nhiệm trì tự tính, quý sinh vật giải. (1) Nhiệm trì tự tính: nghĩa là tướng của các pháp tuy sinh trụ dị diệt, nhưng tính của các pháp xưa nay vẫn không thay đổi, cho nên nói: "pháp đó trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ." Các pháp trên thế gian, trong cái nhìn của chúng sinh đều là biến hóa vô thường; nếu dùng trí tuệ của Phật mà nhìn, hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, tính tướng đều được bảo trì, xưa nay không thay đổi. (2) Quý sinh vật giải: tức là các pháp xưa nay vốn vậy (Hán: pháp nhĩ như thị), nhưng tùy vào trí tuệ hoặc sâu hoặc cạn, học thức hoặc rộng hoặc hẹp, mà có nhiều loại hiểu biết khác nhau. Ví như cái nhìn của Phật pháp giới, chín pháp giới còn lại đều là Phật pháp giới; nếu y theo cái nhìn của chín pháp giới còn lại, thì mỗi pháp giới đều có cái nhìn khác biệt, hiểu biết khác biệt. Hiện nay, nói "diệu pháp" là y vào pháp mà nói về "diệu", có tổng có biệt. Pháp Hoa Huyền Nghĩa của ngài Trí Giả giảng nói tổng quát về "diệu pháp" có hai phần: tương đãi diệu và tuyệt đãi diệu. Trước thời kỳ Pháp Hoa, nói "thô, diệu" đối đãi nhau, chẳng hạn đối với tam đồ (ba đường ác) là pháp thô, nói nhân thiên là pháp diệu, nhấn đến đối với Bồ tát là pháp thô, nói Phật quả là pháp diệu, đây gọi là "tương đãi diệu." Đến lúc pháp hội Pháp Hoa bắt đầu, nêu rõ Ba thừa đều dẫn về Nhất thừa, chín pháp giới đều dẫn về Phật pháp giới, ngoài "diệu" không có "thô", thuần viên độc diệu, đây gọi là "tuyệt đãi diệu." Hoa Nghiêm Tông nói có năm thời giáo. Thời thứ năm Viên giáo lại chia làm Biệt viên và Đồng viên, cho rằng kinh Hoa Nghiêm siêu vượt cái "diệu" của các kinh khác, cho nên là Biệt viên, và phán định kinh Pháp Hoa là Đồng viên, không bằng kinh Hoa Nghiêm. Nhưng họ không biết rằng "Đồng viên Đồng diệu" của kinh Pháp Hoa là tuyệt đãi diệu, nghĩa là "thô ngôn và tế ngữ, đồng quy đệ nhất nghĩa."

Biệt hiển Diệu pháp, tức là nói về Thập diệu của Tích môn và Thập diệu của Bản môn.

Thập Diệu của Tích môn là: (1) Cảnh diệu, (2) Trí diệu, (3) Hành diệu, (4) Vị diệu, (5) Tam pháp diệu, (6) Cảm ứng diệu, (7) Thần thông diệu, (8) Thuyết pháp diệu, (9) Quyển thuộc diệu, (10) Lợi ích diệu. Thập diệu thứ tự hỗ tương sinh khởi, nghĩa lý cực kỳ viên diệu. Ngài Ngẫu Ích trong Pháp Hoa Luân Quán giải thích nói: "Cảnh giới của

thực tướng không phải do Phật, trời hoặc người tạo tác, xưa nay vốn có, không phải hiện nay mới có, cho nên ở địa vị tối sơ. Bởi do mê lý nên sinh khởi phiền não, nhân vì hiểu rõ nghĩa lý nên phát sinh trí tuệ. Trí tuệ là gốc của hành (nghiệp), nhân vì có mắt trí tuệ mới phát động bước chân hành nghiệp (tu tập), ba pháp (lý, trí, hành) là thừa, thừa (cõi) cái thừa đó, nhập ao thanh lương, bước lên các giai vị (tu chứng). Giai vị trụ chỗ nào? Trụ trong Tam đức bí mật tạng. Sau khi trụ trong đó, tịch mà thường chiếu, chiếu soi căn cơ của mười pháp giới, đến thời cơ thì ứng hiện, trước tiên dùng thân [luân], thần thông kích phát. Kế đến dùng khẩu [luân], khai thị chỉ dẫn. Đối tượng được thấm nhuần sữa pháp, bầm thọ lời dạy dỗ, trở thành quyến thuộc diệu. Nhổ gốc sinh tử, khai tri kiến của Phật, được đại lợi ích. Đây là Thập diệu của Tích môn."

Thập diệu của Bốn môn là: (1) Bốn nhân diệu: Đức Phật lúc tối sơ phát tâm Bồ đề, tu Bồ tát đạo, nhân đầu tiên của công hạnh Bồ tát của Phật. (2) Bốn quả diệu: Nhân cho sự tu tập công hạnh viên diệu lúc ban sơ, kế hợp với bốn Phật quả cứu cánh thường lạc ngã tịnh. (3) Bốn quốc độ diệu: Bốn đã thành quả, phải có quốc độ để y chỉ, tức là cõi Ta Bà này lúc thành Phật đầu tiên giáo hóa chúng sinh. (4) Bốn cảm ứng diệu: Tức là lúc ban đầu khi đã chứng quả, từ bi thế nguyện, cơ cảm tương ứng, tức tịch mà chiếu, giáo hóa chúng sinh. (5) Bốn thần thông diệu: Tức là từ bốn quả sinh khởi thần thông diệu dụng, giáo hóa những chúng sinh khả độ. (6) Bốn thuyết pháp diệu: Tức là trần điểm kiếp về trước, bát tướng thành đạo, chuyển pháp luân, gọi là Bốn thuyết pháp diệu. (7) Bốn quyến thuộc diệu: Các chúng sinh được giáo hóa lúc thành Phật ban đầu (bốn Phật), từ đất vọt lên, ngài Di Lạc không biết, gọi là Bốn quyến thuộc diệu. (8) Bốn Niết bàn diệu: Bốn thời chứng đắc Đoạn đức Niết bàn, duyên tận bèn nhập diệt là Bốn Niết bàn diệu. (9) Bốn thọ mạng diệu: Tức là bốn thời thọ mạng. (10) Bốn lợi ích diệu: Tức là bốn thời quyến thuộc đạt được những công đức lợi ích. Đây là Thập diệu của Bốn môn.

Ý nghĩa của Thập diệu của Bốn và Tích rất thâm sâu rộng lớn, hiện nay dùng ba nghĩa riêng biệt để nói thêm một cách sơ lược.

(1) Nhất thiết pháp diệu: Trước khi kinh Pháp Hoa được khai hiển, trong bốn mươi năm, các giáo pháp được thuyết giảng, hoặc hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, hoặc đại tiểu, hoặc sắc tâm, hoặc giả thực, hoặc thô diệu, thiên sai vạn biệt, cách biệt mà không dung thông. Tuy nói diệu pháp, nhưng thực ra không phải diệu. Đến lúc kinh Pháp Hoa được khai hiển, đại tiểu viên dung, các pháp thô đều là pháp diệu, nhất sắc nhất hương, không gì không phải là trung đạo diệu pháp. Cho nên nói: "Tất cả những sự nghiệp mưu sinh của thế gian đều không trái ngược với thực tướng", "Pháp đó trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ", "Phật chủng từ duyên khởi, cho nên nói Nhất thừa", "Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba." Tất cả những lời dạy của Phật đều là diệu pháp. Sau khi trải qua sự khai hiển của kinh Pháp Hoa, tất cả pháp Tam thừa, trời, người, nhân quả trước đó, không pháp nào mà không phải là Diệu pháp Vô thượng Bồ đề. Chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên đời, tất cả không

ngoài việc khiến cho tất cả chúng sinh được khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, cho nên phẩm Phương Tiện nói: "Con nít chơi đùa, đều đã thành Phật, giơ tay cúi đầu, đều sẽ thành Phật." Đây là giáo pháp của kinh Pháp Hoa, cho nên tuyệt đối tuyệt đối và thuần viên độc diệu. Hiểu rõ điều này thì không cần phải phân chia "tích", "bổn", nêu chương phân đoạn, toàn kinh tự nó hiển hiện, cho đến một câu, một chữ đều là Diệu pháp.

(2) Giáo chứng pháp diệu: Phật pháp không ra ngoài chứng pháp và giáo pháp, nhưng trong kinh Pháp Hoa, giáo (pháp) và chứng (pháp) đều (vi) diệu. [a] Chứng pháp diệu, như phẩm Phương Tiện nói: "Lúc ấy đức Thế Tôn ung dung xuất định, nói với Xá Lợi Phất: "Trí tuệ của chư Phật thậm thâm vô lượng, cửa trí tuệ khó hiểu khó vào. Tất cả hàng Thanh văn, Bích chi Phật đều không biết được." Điều này nêu rõ pháp mà chư Phật chứng đắc thậm thâm vi diệu, chỉ có riêng chư Phật mới có thể thấu suốt, không phải cảnh giới mà tất cả Thanh văn, Bồ tát có thể suy lường", đây tức là sở chứng pháp diệu. [b] Giáo pháp diệu, như phẩm Phương Tiện lại nói: "Tại sao? Vì đức Phật đã từng gần gũi trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, tận hành vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, tiếng tốt đồn khắp, thành tựu sâu xa những pháp chưa từng có, tùy nghi thuyết pháp, ý thú khó lường." Nhân vì pháp đã chứng được vi diệu thậm thâm, cho nên từ pháp giới tự chứng bình đẳng lưu xuất giáo pháp, ý thú cũng thậm thâm, không thể tư lường. Lại nói: "Xá Lợi Phất, từ khi ta thành Phật đến nay, dùng đủ loại nhân duyên, đủ loại ví dụ, diễn rộng ngôn giáo, vô số phương tiện dẫn đạo chúng sinh, khiến họ xa lìa sự chấp trước. Tại sao như vậy? Phương tiện, trí kiến, ba la mật của đức Như Lai đều đã đầy đủ. Xá Lợi Phất, trí kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, vô lượng vô ngại, lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát, tam muội, thâm diệu vô biên tế, thành tựu tất cả pháp chưa từng có." Những lời dạy này đều là hiển thị giáo pháp, chứng pháp của đức Như Lai đều vi diệu.

(3) Cảnh hành quả diệu: Kinh Pháp Hoa hiển thị thực tướng mà đức Phật tự chứng, nêu rõ bốn hoài của sự thuyết pháp của Ngài, nêu rõ Tam thừa chỉ là Nhất thừa, tất cả đều được thọ ký thành Phật. Đây là cảnh diệu. Y vào diệu cảnh, phát khởi diệu hạnh, như phẩm An Lạc Hạnh chỉ dạy cách nào tu tập bốn an lạc hạnh, v.v..., tức là diệu hạnh. Do tu diệu hạnh, chứng được diệu quả, như phẩm Như Lai Thọ Lượng, v.v..., đã nói rõ, tức là Phật quả chứng đắc là diệu.

### **C3. Liên Hoa.**

Kinh này dùng Liên Hoa để ví dụ cho Diệu Pháp, cho nên Diệu Pháp là sở dụ của Liên Hoa, Liên Hoa là năng dụ của Diệu Pháp. Xưa nay giải thích Liên Hoa có thể có ba câu: (1) vì Liên cho nên Hoa, (2) Hoa khai Liên hiện, (3) Hoa lạc Liên thành. Vì Liên cho nên Hoa, tức là lúc Hoa chưa nở, Liên đã phát sinh. Hoa khai Liên hiện, tức là hoa quả đồng thời, vi diệu hiếm có, không giống như các loại hoa Mai, hoa Lan, hoa Đào, hoa Lý, v.v..., hoa và quả không cùng lúc, hoặc là trước có hoa sau có quả, hoặc là trước có quả sau có

hoa, hoặc là có hoa không có quả, hoặc là có quả không có hoa. Hoa lạc Liên thành, tức là hoa tàn, còn lại quả. Có đầy đủ ba nghĩa này, không giống như các hoa khác, đây là ý nghĩa độc thẳng đặc thù của Liên Hoa, cho nên dùng Liên Hoa mới có thể tỉ dụ Diệu Pháp. Sở dụ "Diệu Pháp" được phân làm hai môn: (1) quyền thực môn, và (2) bốn tích môn.

(1) Quyền thực môn có ba câu: (a) vị thực thi quyền, (b) khai quyền hiển thực, và (c) phế quyền tồn thực.

(a) Vị thực thi quyền: Thực tức là Diệu pháp mà đức Phật đã tu để chứng Phật quả, quyền là quyền nghi, đức Phật thích ứng cơ nghi, khai ngộ chúng sinh, cho nên tự trụ Nhất Đại thừa, phương tiện thi thiết vô lượng quyền giáo: Nhị thừa, v.v... Tuy tuyên thuyết quyền giáo, nhưng không phải bốn ý của Phật, thật sự bốn ý của Phật là muốn mỗi một chúng sinh đồng thành Phật quả, cho nên tuy thuyết quyền, nhưng mà là "vị thực thi quyền", quyền tức là quyền của thực gia.

(b) Khai quyền hiển thực: Đây là nhân vì hàng Thanh văn, v.v..., không biết đức Phật "vị thực thi quyền", mà lại chấp quyền giáo cho là cứu cánh, cho nên đến hội Pháp Hoa, đức Phật mới khai quyền giáo của bốn mươi năm trước, hiển thị Nhất thừa Diệu pháp là thực, khiến cho chúng sinh tham dự vào dòng (giống) Phật, cho nên khai quyền hiển thực. Thực đây là thực của quyền gia.

(c) Phế quyền tồn thực: Trong pháp hội Pháp Hoa, ẩn khả tất cả chúng sinh, thọ ký thành Phật, đây gọi là "Việc làm của các ông đều là Bồ tát đạo, giơ tay cúi đầu đều được thành Phật." Hội thông quyền pháp của Ba thừa đều là Nhất thừa rộng lớn, như vậy, tên gọi "quyền" cũng tự tiêu mất. Nếu dùng Liên Hoa phối hợp với Diệu Pháp, vì Liên cho nên Hoa, tức là vị thực thi quyền, Hoa nở Liên hiện, tức là khai quyền hiển thực, Hoa lạc Liên thành, tức là phế quyền tồn thực.

(2) Bốn tích môn cũng có ba nghĩa: (a) từng bốn thù tích, (b) khai tích hiển bốn, (c) phế tích lập bốn.

(a) Từng bốn thù tích: Tích là ứng hóa thân của Thích Ca Như Lai, từ Đâu Suất giáng sinh vương cung, tam chuyển pháp luân, bát tướng thành đạo, đây là sự tích được hiển hiện. Thế nhưng khảo sát "tích Phật" từ đâu đến, ắt phải có "bốn Phật" đã thành Phật tự thuở lâu xa về trước, giống như thấy dấu chân (tích) in trên mặt tuyết, thì phải có "bốn" của dấu chân. Đây gọi là từng bốn thù tích.

(b) Khai tích hiển bốn: Như trong phẩm Như Lai Thọ Lượng nêu lên đức Thích Ca xuất gia gần thành Già Da chỉ là tích gần, để hiển xuất "bốn Phật" đã thành đạo từ nhiều

kiếp lâu xa về trước. Nếu không khai tích, làm sao biết được "bổn"? Cho nên cần phải khai tích hiển bổn.

(c) Phế tích lập bổn: Chưa trải qua sự khai hiển của kinh Pháp Hoa thì không biết được bổn tích. Sau khi trải qua sự khai hiển của Pháp Hoa, biết được đức Thích Ca trong hội Pháp Hoa là "tích Phật", mà cũng tức là "bổn Phật" đã thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa về trước. Ứng hóa thân cũng đồng với báo thân, pháp thân; báo thân, pháp thân cũng tức là ứng hóa thân. Ba thân tức là một thân. Sau khi biết "bổn", thì "tích" cũng tự phế bỏ.

Nói tóm, tông bổn thù tích là từ sự thực đức Phật vì thích ứng với cơ nghi thi thiết sự hóa độ; khai tích hiển bổn là sự thật đức Phật (tích) nói rõ về chân Phật (bổn); phế tích lập bổn là do chúng sinh hiểu rõ chân Phật. Nếu dùng Liên Hoa để ví dụ thì "vì Liên cho nên Hoa" là tông bổn thù tích, "Hoa khai Liên hiện" là khai tích hiển bổn, và "Hoa lạc Liên thành" là phế tích lập bổn.

Thế nhưng, từ trước đến nay thuật lại những lời giải thích của các bậc cổ đức về ý nghĩa của Liên Hoa, hầu như chỉ chú trọng đến Liên mà xem nhẹ Hoa. Nếu trực tiếp khảo sát, kinh văn nói Liên Hoa là chỉ muốn loại trừ các loại hoa khác, như hoa mai, hoa đào, v.v..., mà thôi; thật sự là chú trọng đến Hoa chứ không phải Liên. Như nói hoa mai, hoa đào, v.v..., đều là chú trọng đến "hoa." Cho nên phải dùng sự trang nghiêm mỹ diệu viên mãn của hoa này (Liên) để ví dụ cho Diệu Pháp. Bởi vậy trong Pháp Hoa Luận của ngài Thế Thân có hai nghĩa để giải thích Liên Hoa: (1) Xuất thủy (lên khỏi mặt nước): Liên hoa sinh ở trong bùn mà không bị bùn làm ô nhiễm, lúc hoa nở, xuất hiện trên khỏi mặt bùn, nhưng rễ vẫn còn ở trong bùn. Điều này ví dụ từ pháp thô của hàng Nhị thừa hiển hiện pháp diệu của Nhất thừa, nhưng diệu pháp Nhất thừa vẫn không lìa bùn lầy nước đục của Nhị thừa, mà cũng không bị pháp Nhị thừa làm ô nhiễm. Trải qua sự khai hiển của kinh Pháp Hoa, nêu rõ bổn hoài của đức Phật, khiến cho ra khỏi vũng lầy Tiểu thừa, cùng chư Phật Bồ tát ngồi trên Liên Hoa. (2) Liên Hoa nở rộ: Ở đây muốn nói khi hoa sen nở rộ thì hình sắc mỹ lệ, mùi hương thanh khiết, khiến cho người gặp được cảm thấy hoan hỷ, chánh hiển trong pháp hội Pháp Hoa thọ ký thành Phật, v.v..., đủ các loại quốc độ công đức trang nghiêm, các đệ tử Thanh văn, Duyên giác, v.v..., đều có thể nhất định thành Phật, cho nên người nghe tự biết mình sẽ thành Phật, sinh khởi lòng tin quyết định, dũng mãnh tinh tiến, phấn chấn hoan hỷ, cũng giống như lúc Liên Hoa nở rộ, khiến cho những người nhìn thấy hoan hỷ mến ưa.

Hiện nay dùng thêm ba ý nghĩa để nêu rõ ý nghĩa của Liên Hoa:

(1) Hoa Ưu Đàm Bát La điềm lành hiếm có: Như trong phẩm Phương Tiện nói: "Chư Phật xuất hiện thế gian hiếm có, giống như hoa Ưu Đàm Bát La lâu lắm mới xuất hiện một lần." Ưu Đàm Bát La tức là Kim liên hoa. Hoa này chỉ sinh ra khi Kim Luân Vương xuất hiện trên thế gian, cho nên có điềm lành linh kỳ hy hữu, chánh hiển việc chư

Phật xuất hiện thế gian là điều hy hữu, mà lại còn giảng nói Diệu Pháp này, quả thật lại càng hy hữu, giống như hoa Ưu Đàm Bát La lâu lâu mới xuất hiện một lần, cho nên đem hoa này ra làm ví dụ.

(2) Hoa Phân Đà Lợi trắng sạch nở rộ: Chánh hiển kinh Pháp Hoa là thuần viên độc diệu, xiển dương Diệu pháp Nhất thừa Thực tướng, tỏ bày bốn hoài xuất thế của đức Như Lai. Đây là hiển lộ, không phải bí mật, cũng giống như hoa Phân Đà Lợi trắng sạch nở rộ (không có gì để dấu diếm), cho nên dùng hoa Phân Đà Lợi (hoa Sen trắng) để ví dụ.

(3) Liên Hoa nở rộ vi diệu hương khiết: Ở đây nói lúc Liên Hoa nở rộ, vi diệu hương khiết, trang nghiêm mỹ lệ, ví dụ cho đức Phật tự thành tựu vô lượng công đức trí tuệ, pháp tài sung mãn, như phẩm Phương Tiện nói: "Phật tự trụ Đại thừa, định tuệ lực trang nghiêm." Hợp các ý nghĩa ở trên, cho nên dùng Liên Hoa quý báu để ví dụ Diệu Pháp vô lượng hy hữu.

#### **C4. Kinh.**

Tiếng Phạn Tu đa la, hoặc Tố đất lăm, nghĩa đồng âm dị, có thể dịch thẳng là "tuyến" (sợi dây), có nghĩa là quán xuyên (nối lại với nhau). Giống như hạt đậu, hoa, v.v..., dùng dây kết lại, trở thành xuyên (vòng) mà không bị lạc mất. Đây cũng giống như những pháp mà đức Phật giảng thuyết, kết tập thành kinh, quán xuyên nhiếp trì những nghĩa lý đã được giảng nói, khiến cho không mất, có thể lưu truyền đến đời sau. Nếu ước định nghĩa riêng, Tu đa la chỉ là một phần trong Mười hai phần giáo; còn nếu ước định nghĩa chung, thì tất cả những gì đức Phật giảng nói, được kết tập thành hai tạng Tu đa la và Tỳ nại da. Tu đa la là kinh, còn Tỳ nại da là luật. Nhưng kinh là do Phật tự nói, hoặc do Phật ẩn khả, rất đáng được tôn trọng phụng hành. Chữ "kinh" tương đương với ý nghĩa "thường", "pháp" của Trung Quốc. Hoặc thêm vào chữ "khế", dịch là "khế kinh." Khế là khế hợp, nghĩa là kinh có thẳng dụng là khế hợp căn cơ, khế hợp nghĩa lý. Pháp mà đức Phật giảng nói không trái ngược với chân lý của thực tướng mà Ngài đã tự chứng, mà khế hợp với Chánh lý. Đồng thời, khi đức Phật giảng pháp, trước tiên, Ngài quán sát căn cơ, cho nên những gì Ngài giảng nói đều khế hợp với căn cơ của chúng sinh. Như trước khi giảng kinh này, đức Phật đã giảng đủ loại giáo pháp khác biệt thích ứng với căn cơ của Ba thừa, sau đó mới khai hiển giáo lý của Nhất Phật thừa, trong đó đều bao trùm tác dụng khế cơ. Tất cả giáo điển của đức Phật được phân làm ba tạng Kinh, Luật, Luận, nếu thêm Tạp tạng thì có bốn Tạng. Kinh này được nhiếp vào Kinh Tạng trong Ba tạng hoặc Bốn tạng.

#### **B4. Tổng hợp danh nghĩa.**

Diệu Pháp Liên Hoa là do pháp và dụ mà đặt tên. Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là dụ. Liên Hoa là sở dụ của Diệu Pháp, Diệu Pháp là năng dụ của Liên Hoa. Gọi chung Diệu Pháp Liên Hoa tức là nêu lên cả pháp và dụ, dùng hoa dụ pháp càng hiển lộ Diệu pháp, cho nên trong kinh này dùng các loại hoa như Ưu Bát La, v.v..., để ví dụ Diệu Pháp là Liên Hoa. Nếu tổng hợp Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì hiển thị kinh này không phải là giáo pháp Tiểu thừa, mà là giáo pháp Đại thừa. Đại thừa là thông (chung), thông với các kinh Đại Thừa Lý Thú, Đại Phương Đẳng Viên Giác, v.v... Diệu Pháp Liên Hoa là biệt (riêng), là tên riêng của kinh này. Cho nên Đại Thừa và Diệu Pháp Liên Hoa có sự chung và riêng khác biệt. Hơn nữa, nếu tổng hợp Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh mà nói, thì Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là nghĩa lý được giảng nói trong kinh, còn Kinh và danh cú văn thân là giáo pháp (năng) giảng giải (Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa). Cho nên trên mặt năng thuyết sở thuyết, hiển thị Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là giáo lý được giảng nói, còn Kinh là giáo pháp để giảng dạy Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên gọi chung là Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

## **A2. Đề Cương.**

### **B1. Tuyệt Đãi Diệu của ngài Thiên Thai Trí Giả.**

Nếu căn cứ vào ý nghĩa "tuyệt đãi diệu" của Thiên Thai Tông, chúng ta có thể dùng Diệu Pháp làm cương tông của kinh này. Dùng Liên Hoa làm ví dụ, ý chính là vì Diệu Pháp. Ở đây, tuyệt đãi diệu tức là phần trên nói diệu nghĩa của tất cả các pháp. Nếu đem Diệu Pháp làm cương tông của kinh này, thì toàn bộ kinh Pháp Hoa, từ đầu đến cuối, không cần phải phân thành chương, chia thành đoạn, mà chỉ cần nêu lên một câu kinh, một bài kệ đều là đại dụng toàn thể của Diệu Pháp, cũng tức là "một sắc, một hương, không gì không phải là Trung đạo." Thế nhưng, tùy căn cơ mà sử dụng phương tiện, dùng đủ phương pháp khai thị cảnh giới của Phật, khiến cho người nghe đều thâm nhập trí tuệ của Phật. "Trí tuệ của chư Phật thậm thâm vô lượng, cửa của trí tuệ, khó hiểu khó vào." Chư Phật do trí tuệ (năng chứng) này mà có thân chứng thực tướng của các pháp, chân lý thực tướng này tịch nhiên (bất động), xa lìa tứ cú, dứt tuyệt bách phi, không phải là cảnh giới mà ngôn thuyết danh tự có thể đạt đến, không phải sự tư lường phân biệt có thể hiểu rõ, mà chỉ có chư Phật mười phương tự thân trải nghiệm mới có thể biết được. Thế nhưng, thực tướng diệu pháp mà chư Phật thể chứng chẳng phải tách rời khỏi chúng sinh mà có một thực tướng khác biệt, mà mỗi một chúng sinh đều là thực tướng. Cho nên chỗ giác ngộ của Phật tức là giác ngộ chỗ mê của chúng sinh, chúng sinh mê muội tức là mê muội chỗ giác ngộ của Phật. Giác ngộ được điều này cho nên khởi thần thông diệu dụng ở Phật giới; mê muội điều này cho nên trôi lăn trong cảnh khổ của sáu nẻo. Đồng một Diệu Pháp mà có sự mê ngộ khác nhau.

Từ Phật trí mà quán sát thì thấy "pháp đó trụ pháp vị, tương thể gian thường trụ", thường thường như vậy, mãi mãi như vậy, pháp nhĩ như thị, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, hoặc sắc tâm, hoặc giả thực, không pháp nào không phải là Diệu pháp Đệ

nhất nghĩa mà chư Phật đã chứng đắc. Cho nên trong kinh này, nơi nào cũng hiển thị Diệu pháp, ứng hóa thân thị hiện cũng đồng với pháp thân. Giáo pháp được tuyên thuyết đều từ ý nguyện bình đẳng của chư Phật, muốn chúng sinh được khai thị ngộ nhập Phật trí mà lưu xuất; tùy tiện nêu lên một câu, một kệ, cho đến toàn kinh, không đâu mà không phải là Diệu pháp. Đây chính là điều mà Pháp Hoa Huyền Nghĩa muốn nói: "Dương dây kéo lưới, không mất lưới nào không động, kéo một chéo áo, không sợi chỉ nào không lay." Nếu rõ biết điều này thì một đại tạng giáo pháp, hẳn đến những điều mà Bồ tát, Thanh văn giảng nói, hoặc tất cả điển tịch do chư lịch đại tổ sư thuật lại lời dạy của Phật, không lời dạy nào mà không phải là toàn thể đại dụng của Diệu Pháp. Do đây mà ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư dùng pháp này để phán định một đại tạng giáo của đức Như Lai. Trong các cõi Phật ở mười phương, chỉ có một Thừa thực, không phải chỉ có Phật pháp như vậy, mà là tất cả pháp thế gian như văn hóa, giáo dục, chánh trị, xã hội, an ninh, sản nghiệp mưu sinh, v.v..., đều là Diệu pháp Nhất thừa tuyệt đãi, cho nên nói: "Tư sinh sự nghiệp thế gian đều không trái nghịch với thực tướng." Diệu pháp tuyệt đãi này là cương tông của kinh này, nếu như có thể nắm chắc (hiểu rõ) cương tông này thì tất cả hiện hữu trên thế gian đều dẫn vào biển lớn Phật pháp. Địa Trì Kinh nói: "Nên tìm Bồ đề trong pháp Ngũ minh." Ngũ minh là: (1) Thanh minh: tức là môn học về ngữ ngôn, văn tự, âm vận. (2) Nhân minh: tức là luận lý học. (3) Y dược minh: tức là y học, dược học. (4) Công xảo minh: tức là công nghệ học. (5) Nội minh: tức là Phật học (học về sinh mệnh tâm tính của tất cả chúng sinh). Ngũ minh đều là thực tướng diệu pháp mà hàng Phật tử cần phải học. Kinh Pháp Hoa dùng tất cả pháp đều là Diệu pháp tuyệt đãi làm cương tông, cho nên không cần phải vẽ rắn thêm chân, phân chương phân đoạn. Thế nhưng, tuy không có chương đoạn, nhưng cũng không ngại có trăm chương ngàn đoạn, viên dung không ngại sai biệt, sai biệt không ngại viên dung, nhất đa tương nhiếp, thô diệu tương dung. Diệu pháp như thế, tức là tổng trì đại đà la ni của chư Phật. Chư Phật pháp đều từ đà la ni này lưu xuất, cho nên chỉ có một chữ "Diệu" nhiếp hết các pháp, dù hiện thân khắp vi trần các cõi nước, cũng không thể nói hết được.

## **B2. Thừa quyền thực thân quyền thực của ngài Cát Tạng.**

Trong pháp vi diệu đã không ngại phân chương phân đoạn, các bậc cổ đức xưa nay chú giải cũng có sự khác biệt. Thông thường, các nhà chú giải phân kinh làm ba phần là: tự, chánh tông và lưu thông. Kinh Pháp Hoa gồm có bảy quyển, hai mươi tám phẩm: Phẩm Tự là phần Tự. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát là phần Chánh tông. Từ phẩm Như Lai Thần Lực đến phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát là phần Lưu thông. Thế nhưng trong ba phần, trừ phần Tự và Lưu thông, trong phần Chánh tông, phân chương phân đoạn cũng có nhiều lối khác nhau. Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đem toàn kinh phân làm hai Môn, Tích Môn và Bốn Môn. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh là phần Tích Môn Pháp Hoa, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất trở về sau là phần Bốn Môn Pháp Hoa. Điều này cũng giống như ngài Tam Luận Tông Cát Tạng Đại Sư phân kinh làm hai phần: Thừa quyền thực và Thân quyền thực. Ngài Cát



Tạng cũng từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh thuyết minh Thừa quyền thực. Ba thừa là do Phật quyền thuyết, Nhất thừa là Phật thực thuyết. Trong đây, từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Đề Bà Đạt Đa chánh thức thuyết minh Thừa quyền thực; hai phẩm Trì và phẩm An Lạc Hạnh là lưu thông Thừa quyền thực. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát là thuyết minh Thân quyền thực. Do các Bồ tát từ đất vọt lên hiển bày Bốn Phật là thực thân, và biết rằng đức Phật hiện tại từ cung vua Tịnh Phạn xuất gia tu hành thành Phật là quyền thân. Trong đây, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, phẩm Như Lai Thọ Lượng, chánh minh thân quyền thực, từ phẩm Phân Biệt Công Đức đến phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát là lưu thông thân quyền thực. Người đọc có thể tìm xem Pháp Hoa Du Ý của ngài Cát Tạng.

### **B3. Cảnh Hành Quả của ngài Khuy Cơ.**

Pháp Hoa Huyền Tán của ngài Khuy Cơ Pháp Sư dùng ba pháp "cảnh, hành, quả" làm cương tông cho toàn kinh mà giải thích: Cảnh giới thực tướng của kinh Pháp Hoa vô lượng thậm thâm, trí tuệ của chư Phật khó hiểu khó thâm nhập, các pháp giảng về Ngũ thừa, Tam thừa, v.v..., đều là diệu cảnh của Nhất thừa thực tướng. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Trì đều là thuyết minh diệu cảnh thực tướng. Hai phẩm An Lạc Hạnh và Tùng Địa Dũng Xuất đều là từ hạnh mà đặt tên, tượng trưng cho diệu hạnh của Nhất thừa. Từ phẩm Như Lai Thọ Lượng đến phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát thuyết minh do diệu hạnh Nhất thừa tu hành chứng đắc diệu quả Nhất thừa. Từ phẩm Như Lai Thần Lực trở xuống là phần lưu thông của Cảnh hành quả.

### **B4. Giáo Lý Hành Quả.**

Phẩm Phương Tiện nói: "Chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện nơi đời, nghĩa là muốn cho chúng sinh khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật." Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, nói cách khác, tức là tín giáo (tin nhận giáo pháp), giải lý (hiểu rõ nghĩa lý), tu hành và chứng quả. Tức là một câu này là cương yếu của bốn kinh, mà cũng là ý chỉ căn bản cho sự xuất hiện thế gian của chư Phật ba đời. Giáo là giáo pháp được giảng nói để khai Phật tri kiến. Lý là nghĩa lý được tỏ bày khai thị (chỉ rõ) Phật tri kiến. Hành là công hạnh được sinh khởi khi ngộ (hiểu rõ) Phật tri kiến. Quả là quả vị được chứng đắc khi nhập (chứng nhập) Phật tri kiến. Nếu y cứ vào bốn nghĩa (khai thị ngộ nhập) để quán sát kinh này, thì bốn kinh tự nó không cần phân đoạn: tự, chánh tông, lưu thông giống như những kinh điển khác, mà ngay trong mỗi phẩm cũng đều nêu rõ tổng quát về giáo lý hành quả, khai thị cương yếu của bốn kinh không còn sót chỗ nào. Như đức Phật từ Tam muội phóng quang, hiện ra đủ loại công hạnh, ngài Văn Thù trả lời sự thắc mắc của ngài Di Lặc, v.v..., đã đem ý nghĩa của toàn bộ kinh hiển lộ tại sáu căn của từng người trong pháp hội, rõ ràng minh bạch, không hề che dấu hào ly. Cho nên có thể nói phẩm Tự đã nêu lên tổng quát giáo lý hành quả của kinh Pháp Hoa. Hai mươi bảy phẩm còn lại chỉ là hiển thị riêng biệt giáo lý hành quả của kinh này. Khai Phật tri kiến khiến tin giáo pháp

của Pháp Hoa, thị Phật tri kiến khiến hiểu nghĩa lý của Pháp Hoa, ngộ Phật tri kiến khiến tu tập công hạnh của Pháp Hoa, và nhập Phật tri kiến khiến chứng đắc quả vị của Pháp Hoa. Hiện nay phân đoạn giải thích sơ lược ý nghĩa của kinh.

## **C1. Khai Phật tri kiến khiến tin giáo pháp của Pháp Hoa.**

Trong hội Pháp Hoa khai (thị) Tam thừa là quyền (nghi), hiển thị Nhất thừa là thực, "việc làm của các ông (đệ tử) đều là Bồ tát đạo, tuân tự tu hành đều sẽ thành Phật." Các hàng đệ tử tự biết rằng mình có khả năng thành Phật, đoạn trừ lòng nghi, phát khởi lòng tin, quyết định tin thọ những lời dạy của đức Phật. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Pháp Sư Công Đức đều là khai Phật tri kiến, tín thọ giáo pháp của Pháp Hoa. Vị thuyết pháp chủ là đức Phật Thích Ca, vị đứng đầu trong thính chúng là ngài Xá Lợi Phất. Trong chín phẩm này có hai phần: Tam châu thuyết pháp gồm tám phẩm đầu, và Phổ ký lưu thông gồm một phẩm sau.

(I) Tam châu thuyết pháp là: [1] Pháp thuyết nhất châu, tức là phẩm Phương Tiện, thuyết minh chư Phật xuất thế độ sinh, đều khiến thành Phật, thương căn Xá Lợi Phất tín thọ lời Phật dạy, được thọ ký thành Phật. (2) Dụ thuyết nhất châu, tức là phẩm Thí Dụ nói ví dụ Nhà lửa, các ngài Đại Ca Diếp, v.v..., ngộ nhập; trong phẩm Tín Giải, các đệ tử tin hiểu lãnh thọ, nói lên thí dụ Cùng tử; phẩm Dược Thảo Dụ nói đến ba loại cỏ, hai loại cây đều do một mặt đất sinh trưởng, một cơn mưa thấm nhuần, đức Phật xác nhận lần nữa, "việc làm của các ông là Bồ tát đạo, tuân tự tu hành, đều sẽ thành Phật." Phẩm Thọ Ký, đức Phật thọ ký cho hàng trung căn Đại Ca Diếp, v.v..., thành Phật. [3] Nhân duyên nhất châu, tức là hàng hạ căn trong pháp hội, có người vẫn chưa tin nhận, cho nên đức Phật nói tiếp phẩm Hóa Thành Dụ, nhân đây năm trăm đệ tử, và các vị học vô học đều được thọ ký thành Phật.

(II) Phổ ký lưu thông, tức là phẩm Pháp Sư Công Đức. Bất luận lúc đó đang ở trong pháp hội hay không ở trong pháp hội Pháp Hoa, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc ở cõi này, hoặc ở cõi khác, đều được thọ ký thành Phật, khiến cho mọi người đối với giáo pháp của Pháp Hoa sinh khởi lòng tin quyết định, cho nên không chỉ riêng vô lượng trời người lúc đó được thọ ký thành Phật, mà ngay cả chúng ta ngày hôm nay, và vô lượng chúng sinh đời vị lai, cũng đều đã được đức Phật thọ ký thành Phật.

## **C2. Thị Phật tri kiến hiểu rõ nghĩa lý của Pháp Hoa.**

Phần Thị Phật tri kiến hiểu rõ nghĩa lý của Pháp Hoa bao gồm phẩm Kiến Đa Bảo Phật Tháp, phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm Trì, và phẩm An Lạc Hạnh. Thị, nghĩa là đem sự hiểu biết của Phật về diệu lý của Pháp Hoa hiển thị (nêu rõ) cho mọi chúng sinh, để mọi người biết rõ đồng thời thấu hiểu được nghĩa lý của giáo pháp của đức Phật. Phần này, vị thuyết pháp chủ vẫn là đức Phật Thích Ca, đại chúng nghe pháp bao gồm các vị tùy

tùng của Phật Đa Bảo và của các vị phân thân của Phật Thích Ca, như các Bồ tát Trí Tích, v.v..., và các vị đệ tử khác của đức Phật Thích Ca, như Tỳ kheo ni Kiều Đàm Di, v.v... Trong đây, ngài Văn Thù Sư Lợi làm Thượng thủ, do vì từ phẩm Kiến Đa Bảo Phật Tháp cho đến phẩm Đề Bà Đạt Đa nói ngài Văn Thù Sư Lợi từ Long cung trong biển lớn xuất hiện, làm thượng thủ lãnh đạo các vị Bồ tát. Phẩm An Lạc Hạnh cũng do ngài Văn Thù Sư Lợi thưa hỏi đức Phật: "trong đời ác sau này, làm thế nào có thể giảng thuyết kinh Pháp Hoa", cho nên tôn ngài Văn Thù Sư Lợi làm thượng thủ. Thế nhưng làm thế nào mà biết phần này là Thị Phật tri kiến hiểu rõ ý nghĩa của Pháp Hoa?

## **D1. Nêu lên nghĩa lý Pháp Hoa.**

Phẩm Kiến Đa Bảo Phật Tháp hiển thị nghĩa lý mà kinh Pháp Hoa chỉ dạy, nghĩa lý này là chỗ mà chư Phật ba đời đồng chứng ngộ, đồng thuyết giảng, xưa nay không khác. Thông thường, nếu nương vào sự mà quán lý, thì diệu lý đạt được do sự quán tưởng vẫn còn cạn, còn như phẩm Kiến Đa Bảo Phật Tháp tiến thêm một bước, nương vào lý mà hiển sự. Do lý trừu tượng vô hình tướng của Pháp Hoa mà vọt lên (xuất hiện) sự kiện cụ thể là tháp của Phật Đa Bảo, hiển thị năm tầng diệu lý "bất nhị": (1) Do Phật Đa Bảo chứng minh Phật Thích Ca, chư Phật quá khứ cũng đồng giảng thuyết kinh này. Kinh Pháp Hoa được giảng thuyết trong quá khứ tức là kinh Pháp Hoa được giảng thuyết hiện nay, cổ kim bất nhị. Lại nữa, do lúc khai bảo tháp, Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo cùng ngồi (chung một chỗ), hiển thị cổ Phật, kim Phật đồng chứng *chân lý bất nhị*. (2) Trước khi khai bảo tháp, đức Phật Thích Ca triệu thỉnh tất cả các Phật phân thân vân tập, Phật Thích Ca là chủ, chư Phật là khách, Phật Thích Ca là khách, chư Phật là chủ, tức là *chủ khách bất nhị*. (3) Đồng thời, Phật Thích Ca là tổng, các Phật khác là biệt, các Phật khác là tổng, Phật Thích Ca là biệt. Một Phật hàm nhiếp nhiều Phật, nhiều Phật hàm nhiếp một Phật. Phật Phật tương nhiếp cũng giống như vậy, đây tức là *nhất đa (một, nhiều) bất nhị*. (4) Pháp thân của một Phật Thích Ca tức là pháp thân của vô lượng chư Phật, pháp thân của vô lượng chư Phật tức là pháp thân của một Phật Thích Ca, nghĩa là trong pháp hội bình đẳng, không có sự cách biệt giữa tự và tha, đây tức là *tự tha bất nhị*. (5) Lại do đức Phật Thích Ca ba lần biến cõi Tịnh độ, đem cõi Ta Bà ngũ trược ô uế biến thành cõi Tịnh độ lưu ly trang nghiêm, chư Phật tập hội, vạn Thánh phóng quang, tức là cõi này nhiếp thủ cõi khác, cõi khác nhiếp thủ cõi này, tức là thành tựu *tịnh uế bất nhị*. Do năm tầng bất nhị này hiển thị chân lý của Pháp Hoa. Nhưng hiển thị diệu lý Pháp Hoa lại cần phải nhờ vào diệu trí của ngài Văn Thù. Do diệu trí của ngài Văn Thù mới có thể hiểu rõ diệu lý của Pháp Hoa, cho nên mới có phẩm dưới (Đề Bà Đạt Đa).

## **D2. Hiểu rõ nghĩa lý Pháp Hoa.**

Do một phẩm Đề Bà Đạt Đa mà đạt được diệu giải của kinh Pháp Hoa. Trong phẩm này, Bồ tát Trí Tích, tùy tùng Phật Đa Bảo đến cõi này, sau khi nghe đức Phật Thích Ca giảng pháp bèn muốn trở về bốn quốc. Đức Thích Tôn bèn nói rằng cõi Ta Bà có ngài Văn Thù

Sư Lợi, trí tuệ thâm sâu, có thể cùng với ngài Trí Tích thảo luận Phật pháp. Nhân đây, ngài Văn Thù Sư Lợi thống lãnh những chúng sinh đã được ngài hóa độ từ Hải Tạng Long Cung, từ biển trở về núi Kỳ Xà Quật, lý trí tương ứng, diệu pháp lý khế. Trí Tích là trí ở trong lý, Văn Thù đạt được lý ở trong trí. Do phẩm này (Đề Bà Đạt Đa), diệu trí của Văn Thù khế hợp với diệu lý của năm tầng "bất nhị" ở phẩm (Kiến Bảo Tháp) phía trên, đạt thành diệu giải của ngũ trùng bất nhị của phẩm này.

Diệu giải của Ngũ trùng bất nhị ở đây, tức là lúc vị Long Nữ (tháp tùng ngài Văn Thù Sư Lợi đến núi Linh Thứu) thành Phật, cùng với ngài Xá Lợi Phất vấn đáp, và những kinh văn thọ ký Đề Bà Đạt Đa hiển thị. Ngài Xá Lợi Phất, v.v..., tuy khai Phật tri kiến, tin giáo pháp của Pháp Hoa, nhưng chẳng qua chỉ là tin vào lời đức Phật mà thôi, vẫn còn có những quan niệm sai biệt về hơn thua (Hán: thắng liệt), nghịch thuận. Đến hiện nay, thị Phật tri kiến, hiểu nghĩa lý của Pháp Hoa, thì không còn quan niệm sai biệt. Cho nên trong đây sự xuất hiện của vị Long Nữ, tuy bị nhiếp vào loài bàng sinh, một loại tội báo trong ba ác đạo, nhưng mà lại tu thiện, nghe pháp thành Phật, tức thuộc về phước báo, chánh hiển thị *tội phước bình đẳng bất nhị*. Phạm động vật trong cõi Dục đều thuộc về hai tính âm dương, mà vị Long Nữ thuộc về nữ tính, bị người đời xem thường. Như ngài Xá Lợi Phất nói: "Thân nữ cấu uế, không phải là pháp khí, làm sao có thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề? Phật đạo lâu xa, trải qua vô lượng kiếp, siêng tu tích hạnh, đầy đủ các độ, sau đó mới thành. Lại thân người nữ có năm chướng ngại..." Thế nhưng, vị Long Nữ đem bảo châu hiến dâng đức Phật, "Lúc ấy chúng hội đều thấy vị Long Nữ trong khoảnh khắc biến thành Nam tử, đầy đủ Bồ tát hạnh, liền sang thế giới Vô Cấu ở phương Nam, ngồi hoa sen báu, thành Đẳng Chánh Giác." Chánh hiển *nam nữ bình đẳng bất nhị*. Hơn nữa, trong chúng hội, các ngài Xá Lợi Phất, v.v..., tóc bạc, mặt nhăn, ở giai vị trưởng lão, còn vị Long Nữ chỉ mới vừa tám tuổi, nương vào trí lực của ngài Văn Thù, hiểu rõ nghĩa lý Pháp Hoa, chánh hiển *trưởng ấu (già trẻ) bình đẳng bất nhị*. Lại nữa, từ nhân vật Đề Bà Đạt Đa mà nói, ông ta hủy báng Tam bảo, tạo tội ngũ nghịch, đời đời kiếp kiếp làm ngoại đạo tà kiến, chống đối đức Phật, chết đọa địa ngục, nhưng đức Phật vẫn nói: "Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa khiến ta được đầy đủ sáu Ba la mật, từ bi hỷ xả, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, thành Đẳng Chánh Giác, quảng độ chúng sinh", lại còn thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa trong đời vị lai sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương. Điều này hiển thị *ngịch thuận bình đẳng bất nhị*. Lại nữa, cùng trong một pháp hội, cùng một thời gian, các ngài Xá Lợi Phất, v.v..., là những bậc chánh kiến được thọ ký, còn Đề Bà Đạt Đa, v.v..., là những kẻ tà kiến cũng được thọ ký, chánh hiển *tà chánh bình đẳng bất nhị*. Do ngũ trùng "tự tha, v.v..." bất nhị diệu lý, chứng thành ngũ trùng "tội phước, v.v..." bất nhị diệu giải. Diệu giải của phẩm Đề Bà Đạt Đa đã thành, thì diệu lý của phẩm Kiến Bảo Tháp lại càng hiển rõ.

### **D3. Giải lý lưu thông.**

Phần trên, Khai Phật tri kiến tin giáo pháp của Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư Công Đức là phổ ký (thọ ký tổng quát) lưu thông; hiện nay, Thị Phật tri kiến hiểu rõ nghĩa lý Pháp Hoa, phẩm Trì và phẩm An Lạc Hạnh là phần lưu thông. Nhưng phần lưu thông này có thể phân làm hai loại: trì kinh nhân và trì kinh hạnh.

(1) Trì kinh nhân, tức là phẩm Trì. Cần phải hiểu rõ (giải) nghĩa lý của Pháp Hoa rồi mới có thể lưu thông, không hiểu nghĩa lý thì không thể lưu thông. Cho nên trong phần trước, các tỳ kheo Phú Lô Na, v.v..., tuy đều được thọ ký làm Phật, nhưng các tỳ kheo ni như Kiều Đàm Di, v.v..., vì cho rằng mình là thân nữ, cho nên không dám có hy vọng được thọ ký. Kịp đến phần này, hiểu rõ diệu lý "nam nữ bình đẳng" của kinh Pháp Hoa thì mới thỉnh Phật thọ ký, lưu thông kinh này. Thế nhưng, trong phẩm Pháp Sư đã phổ ký lưu thông, các chúng sinh đời vị lai đều được thọ ký, đương nhiên các vị tỳ kheo ni cũng đã được thọ ký. Còn phẩm (Trì) này, vì muốn nêu rõ không những các vị Bồ tát phát nguyện lưu thông kinh này, mà ngay cả các vị tỳ kheo ni (sau khi) hiểu rõ ý nghĩa Pháp Hoa, thể ngộ ý nghĩa nam nữ bình đẳng, cũng đều muốn làm người lưu thông kinh này.

(2) Trì kinh hạnh, tức là phẩm An Lạc Hạnh. Ngài Văn Thù hỏi đức Phật, "ở đời ác trước sau này làm sao phụng trì kinh Pháp Hoa?" Đức Phật nói bốn an lạc hạnh có thể khiến cho người tin giáo pháp của kinh Pháp Hoa, hiểu ý nghĩa của kinh Pháp Hoa, tu tập hạnh của kinh Pháp Hoa thì có thể lưu thông kinh này. Bốn phẩm Kiến Bảo Tháp, Đề Bà Đạt Đa, Trì, và An Lạc Hạnh ở trên, dùng "thị Phật tri kiến, giải Pháp Hoa lý" làm cương tông.

### **C3. Ngộ Phật tri kiến tu Pháp Hoa hạnh.**

Phần trước y vào giáo (pháp) để giải (hiểu) nghĩa (lý). Ở đây, từ lý (giải) ngộ, đạt được tri kiến của Phật, tự thân thể ngộ được thực tướng diệu lý của các pháp, do ngộ diệu lý mà khởi diệu hạnh, đây mới là chân tu. Tu có hai loại: duyên tu và chân tu. Duyên tu là y vào giáo lý mà tu, còn chân tu là ngộ chân lý rồi mới tu. Công hạnh được phát khởi sau khi ngộ Phật tri kiến mới chính là chân tu. Phần này bao gồm tám phẩm, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến phẩm Chúc Lụy. Vị thuyết pháp chủ vẫn là đức Phật Thích Ca, tức là ứng hóa thân mà thành báo thân, pháp thân. Tích thân, từ vương cung đi xuất gia, tức là chân thân, đã thành Phật từ số kiếp lâu xa về trước, làm giáo chủ của pháp hội này. Đương cơ của phần này là các vị Bồ tát từ đất vọt lên, cùng các vị đệ tử đã từng được ngài Bồ tát Thường Bất Khinh giáo hóa, như các ông Bạt Đà Bà La, v.v... Vị thượng thủ là ngài Bồ tát Di Lạc, vì ngài là người đặt câu hỏi trong phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, khiến cho đức Phật mới giảng nói các phẩm Như Lai Thọ Lượng, v.v... Trong phần Ngộ Phật tri kiến tu Pháp Hoa hạnh gồm có tám phẩm này, có thể phân thành hai đoạn để giải thích: (1) chánh thuyết diệu hạnh, (2) lưu thông diệu hạnh.

## **D1. Chánh thuyết diệu hạnh.**

Phần này lại chia làm bốn phần: (1) y quả khởi hạnh, (2) nhờ hạnh nêu quả, (3) nêu công đức khuyến tu, (4) cử đức tác chứng.

### **E1. Y quả khởi hạnh.**

Ngộ Phật tri kiến, nghĩa là thể ngộ được pháp được thấy biết (của quả Phật), và từ đó mà khởi hạnh, tức là hạnh này là từ quả trí mà phát khởi. Như các vị Bồ tát từ đất vọt lên, chúng hội lúc đó đều không biết họ là ai, đây có nghĩa là công hạnh tu hành phát khởi từ Phật quả, chắc chắn không phải là điều mà các vị từ nhân hạnh khởi tu có thể hiểu biết được. Cho nên từ quả khởi, tức là chỉ cho các vị Bồ tát từ đất vọt lên, như Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, v.v..., đều là từ quả hạnh mà đặt tên, nghĩa là y vào pháp giới của Phật quả mà tu, bởi thế các vị Bồ tát từ nhân mà khởi hạnh, ngay cả đến Bồ tát Di Lặc là bậc Nhất sinh bổ xứ Bồ tát mà còn không biết được. Lúc ấy, ngài Di Lặc vì muốn giải trừ nghi vấn của chính mình và của cả đại chúng nên đã hỏi đức Phật: "Các vị Bồ tát này nương vào ai để phát tâm tu hành mà có thể biến hiện những thần thông như vậy?" Và đức Phật đã trả lời rằng "vô lượng a tăng kỳ các vị Bồ tát từ đất vọt lên đó là những người do ta ở cõi Ta Bà này thành Phật đạo mà giáo hóa họ." Khi ấy, ngài Di Lặc và các vị Bồ tát khác đều khởi lòng nghi: "Đức Như Lai khi còn làm thái tử, rời khỏi vương cung, đến thành Già Da không xa, ngồi ở Đạo trường, chứng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, đến nay mới hơn bốn mươi năm, làm sao trong một thời gia ngắn mà có thể làm được Phật sự to lớn như vậy, giáo hóa vô lượng vô biên chúng Bồ tát?" "Cha trẻ mà con già, người đời không thể tin được." Nhân đây đức Phật giải quyết sự nghi ngờ của mọi người, khai tích hiển bốn, đây đều là do y vào quả khởi hạnh mà dẫn phát.

### **E2. Nhờ hạnh nêu quả.**

Tức là nhờ vào công hạnh phát khởi. Từ Phật quả (trong phẩm Tùng Địa Dũng Xuất) nêu rõ đức Phật đã chứng đắc quả vị từ kiếp số lâu xa về trước (trong phẩm Như Lai Thọ Lượng). Đức Phật Thích Ca đã từng ở cõi thế giới Ta Bà (qua bao kiếp thành trụ hoại không) thành Phật, không phải là đức Thích Ca hiện nay mới từ thành Già Da xuất gia thành đạo, mà là đức Thích Ca đã thành Phật từ trần điểm kiếp về trước, đây là nhờ vào các vị Bồ tát Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, v.v... (từ đất vọt lên) để nêu lên quả Phật lâu xa. Thật ra, quả Phật thọ mệnh vô lượng, mà cũng là do nhân địa tu hành, như phẩm Như Lai Thọ Lượng nói: "Ta vốn hành Bồ tát đạo, đạt được thọ mạng, đến nay vẫn chưa dứt." Chứng tỏ đức Thích Ca bốn nhân địa tu thành quả Phật đạt được thọ mạng, trải qua kiếp số dài lâu không gián đoạn, đến nay vẫn chưa hết, tức là mượn công hạnh tu tập lúc tu nhân để nêu rõ quả Phật lâu xa.

### **E3. Nêu công đức để khuyến tu.**

Ngộ Phật tri kiến, y vào quả Phật mà phát khởi diệu hạnh của Pháp Hoa. Cái diệu pháp của quả Phật mà diệu hạnh y tựa vào là pháp lạc tự thọ dụng của Phật quả, diệu dụng vô lượng, sâu thẳm không thể lường được, cho nên nói "Dù hết mực suy tư, không lường được trí Phật", "Bồ tát mới phát tâm, cúng dường vô số Phật, hiểu rõ các nghĩa thú, lại khéo léo thuyết pháp, số nhiều như lau sậy, nhất tâm dùng diệu trí, trong hằng hà sa kiếp, đều cùng nhau suy lường, cũng không biết trí Phật." Pháp tự thọ dụng của Phật, chỉ có Phật và Phật tự chứng biết, không ai khác có thể suy lường được, thế nhưng, chỉ có thể dùng lòng tin tiếp thọ quả pháp của Phật mà phụng hành thì có thể đạt được diệu dụng. Giống như Tam Mật gia trì của Mật tông đều là quả pháp của đức Đại Nhật Như Lai, chuyên tâm tu tập thì sẽ đạt được diệu dụng của quả pháp, cho nên nói: "Nhất niệm gia trì nhất niệm Phật, niệm niệm gia trì niệm niệm Phật." Cho nên ngộ Phật tri kiến tu Pháp Hoa hạnh, tức là y vào pháp của quả Phật mà tu hành, sẽ được diệu dụng bất khả tư nghì. Như bình thường nói công hạnh có thể tư nghì và công hạnh bất khả tư nghì. Công hạnh có thể tư nghì như tu tập Ngũ giới, Thập thiện được quả báo nhân thiên, tu tập Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ đạt được quả báo Tam thừa. Đây đều là có thể tư nghì. Nếu như y vào pháp của quả Phật mà tu như Chân ngôn hạnh (trì chú), Niệm Phật hạnh, thì diệu dụng không thể suy lường. Đây là công hạnh bất khả tư nghì. Như người thế gian tự lực cánh sinh, do làm bao nhiêu công sức thì được bấy nhiêu lương bổng, đổi thành bao nhiêu y thực để sinh sống qua ngày. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, trồng nhân như vậy được quả như vậy. Mọi người có thể biết rõ. Còn như trường hợp gã cùng tử bỗng nhiên được ông trưởng giả nhận làm con, hoặc như gã ăn mày quần áo lam lũ bỗng nhiên biến thành một phú ông tiền rùng bạc biển, thì chắc là chúng ta trợn mắt không tin! Y vào pháp của quả Phật mà tu hành đạt được diệu dụng cũng giống như trường hợp vừa nêu trên. Cho nên các phẩm Phân Biệt Công Đức, Tùy Hỷ Công Đức, Pháp Sư Công Đức đều hiển thị công đức vi diệu của sự tu trì giáo pháp của Phật quả, khuyến khích tu hành sẽ đạt được diệu dụng. Như phẩm Pháp Sư Công Đức nói rằng thân (cặp mắt) bình thường sinh ra bởi cha mẹ mà có thể nhìn suốt tâm thiên đại thiên thế giới, (hoặc) nhục thân (thân thể bình thường) có thể hiển hiện cõi nước đại thiên, đều là y vào lực gia trì của quả pháp của kinh Pháp Hoa mà được diệu dụng như vậy. Tuy Mật tông cho rằng do lực gia trì mà được "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện đời), nhưng cũng không bằng diệu dụng của kinh Pháp Hoa. Cho nên, dùng nhãn quan của Mật tông mà quán sát, thì diệu hạnh y vào quả pháp của Pháp Hoa là Mật pháp tối thượng của Mật pháp.

### **E4. Nêu đức tác chứng.**

Ở đây nêu lên ngài Bồ tát Thường Bất Khinh, trong phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát, thọ trì một câu trong kinh Pháp Hoa để làm chứng minh. Một câu mà chúng ta muốn nêu lên đó là: "Đều có thể thành Phật." Cho nên nói: "Tôi không dám khinh (xem thường) các

ngài, các ngài trong tương lai sẽ thành Phật." Hễ ngài gặp bất cứ ai, già trẻ nam nữ, đều không dám khởi tâm xem thường, mà cung kính đánh lễ, nói lời vừa nêu trên. Đây đều là do y vào lòng tinh tiếp thọ kinh Pháp Hoa mà khởi lên diệu hạnh, cho nên ngày hôm nay thành tựu quả Phật Thích Ca Mâu Ni công đức vĩ đại. Đây là sự kiện chứng minh cụ thể.

## **D2. Lưu thông diệu hạnh.**

Hai phẩm Như Lai Thần Lực và phẩm Chúc Lụy là phần lưu thông của Diệu hạnh, hiển thị diệu hạnh này là y vào quả pháp mà hiện khởi, tối cực thù thắng, tối thắng trong tất cả các công hạnh. Y vào đây mà tu tập, hiện thân sẽ được diệu dụng thù thắng. Cho nên phẩm Thần Lực hiển hiện các loại thần biến, thêm vào phẩm Chúc Lụy để lưu thông những diệu hạnh bất khả tư nghì.

## **C4. Nhập Phật tri kiến chứng đắc quả vị của Pháp Hoa.**

Do ngộ Phật tri kiến, tu tập diệu hạnh của Pháp Hoa, y vào diệu hạnh Pháp Hoa, tiến nhập cứu cánh, tức viên thành diệu quả của Pháp Hoa. Sáu phẩm, từ phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự đến phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát, đều nêu rõ Nhập Phật tri kiến, chứng diệu quả của Pháp Hoa. Vị Giáo chủ của phần này vẫn là đức Phật Thích Ca, vị thượng thủ trong chúng ắt phải suy tôn ngài Bồ tát Phổ Hiền. Do sáu phẩm này, hợp với hai mươi hai phẩm trước, tức thành Kinh Pháp Hoa, bảy quyển, hai mươi tám phẩm. Thế nhưng, sáu phẩm này có thể được quán sát hai lượt.

Lượt thứ nhất: (1) Phẩm Dược Vương chứng quả tự lợi, (2) Bốn phẩm Diệu Âm, v.v..., chứng quả lợi tha, (3) Phẩm Phổ Hiền chứng quả tự lợi lợi tha (nhị lợi). Lượt thứ hai: (1) Phẩm Dược Vương chứng quả Thập Trụ, (2) Phẩm Diệu Âm chứng quả Thập Hạnh, (3) Phẩm Phổ Môn chứng quả Thập Hồi Hướng, (4) Phẩm Đà La Ni chứng quả Tứ Gia Hạnh, (5) Phẩm Diệu Trang Nghiêm chứng quả Thập Địa, (6) Phẩm Phổ Hiền chứng quả Đẳng Giác, Diệu Giác. Hiện nay giải thích như sau:

### **D1. Chứng quả tự lợi.**

Dược Vương chứng quả, y theo Thiên Thai Viên Giáo lên Sơ Trụ, có thể Bát tướng thành Phật. Nhưng đây là nghĩa chung của Đại thừa. Khởi Tín Luận và Duy Thức cũng có giáo lý tương đồng, cho nên sự chứng quả trong phẩm Pháp Sư Công Đức là quả vị dưới Sơ Trụ. Từ phẩm Dược Vương trở xuống là chứng quả Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác. Lại nữa, phẩm Pháp Sư Công Đức là nhân hạnh, nhân hạnh thành tựu công đức viên mãn là quả của Pháp Hoa. Còn phẩm này là Bồ tát Dược Vương tu hạnh Pháp Hoa, quán các pháp Không, thiêu thân đốt tay, cúng dường Như Lai, chứng lý Nhị Không, thành tựu Đoạn đức, giải thoát sinh tử, chứng đắc diệu quả tự lợi.



## **D2. Chứng quả lợi tha.**

Bốn phẩm Diệu Âm, v.v..., là chứng quả lợi tha. Phẩm Dược Vương là chứng nhập Thập Trụ, phẩm Diệu Âm là chứng nhập Thập Hạnh, Quán Âm là chứng nhập Thập Hồi Hướng, Đà La Ni là Tứ Gia Hạnh, Diệu Trang Nghiêm là chứng nhập Thập Địa, Phổ Hiền là từ Đẳng Giác chứng nhập Diệu Giác (Phật). Bốn phẩm Diệu Âm, v.v..., chứng quả lợi tha, nghĩa là: (1) Diệu Âm mật hóa: Trước khi thị hiện gia nhập pháp hội đã khiến cho đại chúng khởi tâm hiểm có, khởi tâm khó gặp. Sau khi gia nhập pháp hội, khiến cho đại chúng đắc Tam muội và Đà la ni. Đều là lợi ích. Do sự bình đẳng phổ huân của Phật quả pháp thân tự thọ dụng thân, bất khả tư nghì mật hóa. (2) Quán Âm cứu khổ: Tầm thanh cứu khổ, không quốc độ nào mà không hiện thân, tức là đại bi lợi tha, chứng quả lợi tha, chánh đồng như Phật quả ứng căn cơ của chúng sinh ở chín pháp giới, hiện Tha thọ dụng thân để ứng Bồ tát căn cơ, hiện ba loại hóa thân để ứng căn cơ của Nhị thừa, và phàm phu lục đạo. Phật quả công dụng không thể dùng lời mô tả, cho nên Diệu Âm dùng pháp thân mật hóa, Quán Âm dùng ba thân phổ ứng. (3) Diệu dụng của Mật chú của phẩm Đà La Ni: Có thể phá ác sinh thiện. Nếu có người hủy báng Pháp Hoa, phá hoại Pháp Hoa, đều khiến cho họ hàng phục, trở thành tán thán Pháp Hoa, ủng hộ Pháp Hoa. Như Phật quả thị hiện Kim cang thân, v.v..., đủ loại diệu dụng, không gì không phải là công đức, phá tà hiển chánh, phá ác làm thiện. (4) Diệu Trang Nghiêm Vương là cải tà quy chánh: Diệu Trang Nghiêm Vương vốn là người tà kiến, không tin Phật pháp, do người vợ và hai người con thiết kế hiển hiện các loại thần thông và phương pháp, mới bắt đầu tin Phật pháp, cải tà quy chánh. Do đây đều là chứng quả lợi tha.

## **D3. Chứng quả nhị lợi.**

Một phẩm Phổ Hiền chứng quả nhị lợi. Trước khi chứng quả, Phổ Hiền tu nhân hạnh viên mãn, chứng đắc quả Phật. Đây là chứng quả tự lợi. Sau khi chứng quả, Phổ Hiền khởi hạnh giáo hóa chúng sinh, thuộc về chứng quả lợi tha. Cho nên Phổ Hiền trước khi và sau khi chứng quả là chứng diệu quả tự lợi lợi tha.

Toàn kinh Pháp Hoa gồm hai mươi tám phẩm, do phần trước nói bốn phần, có tổng có biệt: Phẩm Tự là phần Tổng trì "khai thị ngộ nhập giáo lý hành quả." Hai mươi bảy phẩm còn lại là phần Hiến thị riêng biệt "khai thị ngộ nhập giáo lý hành quả." Trong mỗi phẩm, mỗi phần đều có phần lưu thông khác nhau, nhưng dùng hai hàng cuối của phẩm Phổ Hiền làm phần lưu thông cho toàn kinh. Án theo quy định thông thường giảng kinh phân khoa, thì cần phải có ba phần: tự, chánh, và lưu thông để phán thích kinh này. Trên nguyên tắc, phần lưu thông phải ở phần sau cùng của kinh, nhưng hiện nay ở giữa kinh này lại có kinh văn lưu thông, khiến tôi (Thái Hư) có cảm giác là không được chỉnh tề, cảm khái phần lưu thông không thể hoàn tất hết ý nghĩa của nó! Nếu y theo bốn phần vừa được liệt kê để phán định toàn kinh thì có thể tránh được cảm khái sự so le không

chính. Đến như dùng bốn phần này làm cương tông cho toàn kinh, nêu lên rõ ràng minh bạch sự chí lý của Diệu Pháp, thì đây lại là một sự việc khác.

### **A3. Khảo kinh.**

Khảo kinh nghĩa là khảo cứu lịch sử của kinh này trong toàn thể kinh Phật. Phàm những kinh điển do Phật nói ra đều có sự thực có thể chứng minh, có lịch sử có thể tra cứu thì mới có thể chánh tín. Nếu không, mắt cá lẫn lộn với hạt châu, không thể quyết đoán chân ngụy, khó mà có thể tin được. Đồng thời, kinh là do Phật nói, chung cho các kinh. Khảo cứu nguồn gốc của một kinh thì nguồn gốc các kinh khác cũng do đây mà được minh hiển.

### **B1. Nguồn gốc của kinh Phật.**

Phật là nói chung cho chư Phật ba đời, Kinh là do chư Phật giảng nói, hoặc ở cõi này, hoặc ở cõi khác. Chư Phật nhiều vô lượng, cho nên kinh điển mà các ngài giảng nói cũng nhiều vô lượng. Chư Phật vô thí vô chung, khởi tướng bất khả đắc, sự khởi tướng lúc ban sơ của kinh giáo cũng là bất khả đắc. Thế nhưng, tuy vô lượng, nhưng hãy đem một tứ thiên hạ mà chúng ta đang cư ngụ hiện nay là Nam Thiệm Bộ Châu mà nói, trong Hiền kiếp này, trong quá khứ cũng đã có ba vị Phật, như ngài Câu Na Hàm Mâu Ni, v.v..., xuất hiện, mà những kinh giáo do các vị Phật này giảng nói đã bị thất truyền trong quá khứ. Đại khái, Phật pháp của mỗi vị Phật đều trải qua ba thời kỳ là chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp. Đến thời mạt pháp chấm dứt thì kinh giáo cũng bị diệt tận. Cho nên những kinh điển được lưu truyền hiện nay đều là do vị Phật thứ tư xuất hiện trong Hiền kiếp là Phật Thích Ca giảng nói, hoặc do ngài ấn khả mới được kết tập thành kinh lưu thông trên đời. Cho nên biết tất cả kinh điển được lưu truyền hiện nay đều là bắt nguồn từ kim khẩu của đức Phật Thích Ca giảng nói, bởi thế Phật giáo ở cõi Ta Bà này đều suy tôn Phật Thích Ca là Bổn Sư. Hiện nay trong kinh Pháp Hoa tuy giảng nói giáo pháp của tất cả chư Phật mười phương ba đời, nhưng vì do Phật Thích Ca nói ra thì chúng ta mới biết, do đó dùng Phật Thích Ca làm khởi nguyên; mà hơn nữa, giáo pháp do chư Phật mười phương ba đời giảng nói, cũng do đức Phật Thích Ca nói ra thì mới được hiển thị, cho nên hiện nay chúng ta phải công nhận đức Phật Thích Ca là cội nguồn của tất cả kinh điển. Tất cả giáo pháp do đức Phật Thích Ca giảng nói, như các kinh điển Đại thừa như Giải Thâm Mật, Hoa Nghiêm, v.v..., các kinh điển Tiểu thừa như A Hàm, Lâu Thán, v.v..., các nghĩa lý đại tiểu, thiên viên, quyền thực, v.v..., đều được phát huy trọn vẹn, đều được lưu truyền lúc Phật còn tại thế. Nếu hiểu như vậy thì có thể đả phá sự chấp trước của các học giả Tiểu thừa cho rằng đức Phật chỉ nói kinh A Hàm, v.v..., còn các kinh điển Đại thừa là do các Bồ tát đời sau như Long Thọ, v.v..., xiển dương mà xuất hiện, đặc biệt là đối với các kinh điển Mật tông càng khởi tâm nghi ngờ. Cho nên xưa nay, có nhiều nhà khảo cứu tìm hiểu Lịch sử Phật giáo, cho rằng kinh điển Mật tông là do những tín đồ Phật giáo hậu kỳ hỗn hợp giáo pháp Bà la môn mà ngụy tạo ra. Nếu như chánh tín tất cả giáo pháp đạo

Phật đều khởi nguồn từ đức Phật, thì những tà nghi này đều sẽ chấm dứt. Nên biết trí tuệ của chư Phật thậm thâm vô lượng, tùy vào các loại căn tính khác nhau, sở thích khác nhau của chúng sinh, mà giảng nói vô lượng giáo pháp khác nhau, đại tiểu, thiên viên, đà la ni, v.v..., không pháp nào mà các ngài không thi thiết để giáo hóa chúng sinh. Chung quy, chư Phật vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện nơi đời, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, nếu có một pháp nào chưa giảng nói, tức là nhiếp cơ chưa tận. Cho nên tất cả Phật giáo đều khởi nguyên từ đức Phật Thích Ca. Y vào thắng giải quyết định này, ắt biết rằng tất cả những kinh điển hiện tồn tại trên thế gian đều do đức Phật Thích Ca chuyển pháp luân mà hiện hữu.

## **B2. Phật kinh kết tập.**

Lúc đức Phật thuyết pháp chỉ có kim khẩu truyền dạy, chứ chưa có ghi chép (Hán: ký lục) bằng văn tự. Như trong hội Pháp Hoa, đức Phật Thích Ca là giáo chủ, vì vô lượng chúng sinh mà giảng nói kinh Pháp Hoa, y vào danh, cú, văn, thân trong âm thanh của đức Phật mà làm giáo thể (năng thuyên), giảng giải nghĩa lý (sở thuyên). Thế nhưng, đương thời thuyết pháp chỉ có ngôn âm mà không có văn tự thì làm sao có thể lưu truyền kinh giáo đến đời sau? Tức là phải do các đệ tử của Phật kết tập, khiến cho kinh điển triển chuyển lưu truyền đến đời sau. Tiếng Phạn "kết tập" có nghĩa là "hội tụng", nghĩa là kết tập một bộ kinh, cần phải triệu thỉnh đại chúng hội tập, đề cử một người lớn tiếng đọc tụng, xuyên qua sự thẩm tra, khảo lục, quyết định thừa nhận ngôn giáo được đọc tụng là phù hợp với lời Phật dạy, đã từng được Phật ấn khả, thì mới được nhất trí tán thành, toàn thể thông qua, sau đó mới được ghi xuống thành định bản. Tương truyền, lúc đức Phật mới vừa nhập diệt, các ngài Ca Diếp, A Nan, Ưu Ba Ly, v.v..., tại động Tát Ba La kết tập kinh luật. Đồng thời, bên ngoài động, ý kiến của đại chúng bất nhất, thành thử bên ngoài động Tát Ba La cũng có các ngài Phú Lô Na, v.v..., kết tập. Như vậy, cho đến thời kỳ kết tập lần thứ hai, kết tập lần thứ ba, cho đến khi vô lượng kinh điển lưu truyền đời sau. Thế nhưng, nếu cho rằng các kinh điển lưu truyền đến đời sau bằng văn tự đều là xuất phát từ sự (những) kết tập thì hình như không hoàn toàn như vậy, bởi vì lúc hội tụng để kết tập thì vẫn chưa dùng văn tự để ghi chép. Ngược lại, lúc đức Phật còn tại thế, hoặc giả đã có văn tự rồi. Trong Tỳ nại da nói, lúc đức Phật tại thế, có vị trưởng giả đêm khuya đọc kinh, bốn vị Thiên vương đến nghe pháp; lại có vị phu nhân tên Cám Dung ban đêm đốt đuốc đọc kinh. Những sự việc như vậy đều có thể chứng minh đời Phật đã có văn tự thì mới có thể đọc tụng. Lại có truyền thuyết từ xưa, lúc đức Phật ở tại núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa, tất cả vỏ cây, lá cây đều được ghi chép kinh văn. Điều này cho thấy đã có văn tự để ghi chép kinh điển. Sau khi xuyên qua sự hội tụng kết tập thì lại càng có thể có những định bản, sau khi được đại chúng khảo định được ghi chép lại bằng văn tự.

Thế nhưng, trong số những kinh điển ghi lại trên văn tự được lưu truyền đời sau, cũng có những kinh điển chưa được thông qua sự hội tụng kết tập, như trong lịch sử

Phật giáo Ấn Độ, đôi khi có những kinh điển do đệ tử ghi chép riêng biệt để đọc tụng, do đó có sự sai khác. Đây là một bằng chứng. Thông thường, chúng ta chỉ biết việc kết tập kinh điển đầu tiên do các ngài A Nan, v.v..., kết tập. Chẳng qua trong nhiều lần kết tập khác nhau, đây là một lần kết tập rõ ràng nhất được tất cả mọi người biết đến và tin tưởng. Thật ra, kinh Phật do các vị Bồ tát, tổ sư nhiều đời sưu tập ghi chép lưu hành, số lượng cũng không phải ít, mà cũng từ lâu được mọi người công nhận. Cho nên kinh Phật có là do sự ký lục từ thời đức Phật mà lưu truyền (đến nay), có kinh điển do sự kết tập sau khi Phật diệt độ, có kinh điển được ký lục riêng tư chưa từng thông qua sự hội tụng.

### **B3. Sự lưu truyền của kinh Phật.**

Sự lưu truyền của kinh điển là do thời tiết nhân duyên khác nhau mà có sự lưu truyền hay không lưu truyền khác nhau. Những kinh điển được kết tập vào thời đó, kinh nào có nhân duyên đầy đủ thì được lưu truyền, kinh nào thiếu duyên thì tạm thời ẩn tàng. Đây là sự thật. Chẳng hạn như ở Trung Quốc, đến đời (Triệu) Tống (960-1279) mới có Đại Tạng Kinh được khắc vào bản gỗ lưu hành. Có những kinh điển mà từ xưa nay chưa từng được lưu hành trên thế gian cũng được bảo tồn trong đó. Nếu như suy luận từ đời đức Phật cho đến trước đời Tống, cũng phải đã từng có những kinh điển chưa được lưu hành. Lúc đó chưa có Tạng Kinh được khắc bản bảo tồn, thì nhân vì không được truyền bá nên ẩn tàng. Đây cũng lại là điều dễ hiểu. Chẳng hạn như hiện nay ở động đá ở Đôn Hoàng phát hiện nhiều kinh điển của cổ nhân tàng trữ ở đó, mà trong Đại Tạng Kinh đời Tống không có, đây là sự thực chứng minh rõ ràng. Sau đời Phật, có nhiều kinh điển ẩn tàng không được lưu truyền, cũng giống như trường hợp vừa nêu trên. Vì vào thời đó, sự lưu truyền hoàn toàn nhờ vào sự ghi nhớ khẩu truyền. Kinh nào thường được giảng giải trì tụng thì mới được truyền bá, còn những kinh điển nào không được phổ biến đọc tụng giảng giải thì khó mà tránh khỏi sự ẩn tàng không ai biết đến, tuy tồn tại mà cũng giống như không tồn tại. Thế nhưng, những kinh điển ẩn tàng này, đến một thời kỳ nào đó, xuyên qua sự phát hiện của những bậc trí tuệ sâu xa lại được truyền bá đọc tụng giảng thuyết trên thế gian, thì lại từ sự ẩn tàng trở thành lưu hành được mọi người biết đến. Nếu quán sát như vậy, những kinh điển đời Phật và đời sau Phật đều là do các vị Thanh văn, Bồ tát ghi chép kết tập. Thế nhưng, lúc đức Phật mới nhập diệt, các kinh điển Tiểu thừa, nhân vị được các đệ tử Thanh văn truyền tụng phổ biến cho nên được lưu hành sớm ở thế gian. Lúc đó, kinh điển Đại thừa ít người đọc tụng giảng giải cho nên ẩn tàng không hiện. Thế nhưng, khi thời tiết nhân duyên chín muồi, thì lại được truyền bá ở thế gian. Như lúc đức Phật mới diệt độ, kinh điển Đại thừa ẩn tàng không hiện, sau khi đức Phật diệt độ sáu bảy trăm năm, các vị Bồ tát như Long Thọ, v.v..., xuất thế, phát hiện được nhiều kinh điển Đại thừa, bèn đem ra lưu hành giảng giải. Đến các ngài Bồ tát Vô Trước, Thế Thân, v.v..., lại phát hiện nhiều kinh điển Đại thừa khác, lại đem ra lưu hành giảng giải. Nhấn đến khi các Bồ tát như Long Trí, v.v..., xuất hiện, lại phát hiện nhiều nghi quỹ Mật chú Đà la ni, v.v..., lại đem lưu truyền trên thế gian. Cho nên phải hiểu rằng các kinh điển xưa nay chưa lưu truyền, xuyên qua sự phát hiện, giảng giải đọc tụng của một

số ít các bậc trí tuệ thâm hậu thì có thể xuất hiện trở lại. Chẳng hạn như Tam Luận Tông ở Trung Quốc, vào đời nhà Tùy, nhà Đường đã từng một thời hoàng dương long thịnh. Từ đời Đường về sau, tông phái này hầu như bị diệt vong. Đến đời Tống, Minh, lúc đó không còn ai biết đến, tất cả những kinh sớ của tông này đều bị lạc mất. Đến cuối đời Thanh, kinh sớ của tông này lại được từ Nhật Bản thỉnh về, hiện nay mới có người bắt đầu hoàng dương trở lại. Trung Quốc như thế, thì ở đời Phật cũng tương tự như vậy. Những kinh điển Đại thừa thời của Phật, tuy cũng được đồng thời ký lục kết tập, nhưng sau Phật diệt độ khoảng năm trăm năm, chỉ có các kinh điển Tiểu thừa được lưu truyền. Đến thời đại của ngài Long Thọ, Vô Trước, Long Trí, v.v..., thì kinh điển Đại thừa được theo thứ lớp mà truyền bá. Đây là sự truyền bá theo thứ lớp của kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa. Cho nên biết rằng kinh Pháp Hoa được giảng giải ngày hôm nay là do các vị Bồ tát, Thanh văn, lúc đức Phật mới diệt độ ký lục và kết tập, nhưng được lưu truyền trên thế gian là vào thời của ngài Long Thọ. Khảo cứu lịch sử Phật giáo Ấn Độ, lý lẽ là như vậy. Bài Hoàng Truyền Tự của ngài Đạo Tuyên nói: "Truyền đến Trung Quốc đã hơn ba trăm năm." Đây là lời của ngài Đạo Tuyên nói ở đời Đường, đến nay sự lưu truyền đã được một ngàn năm sáu trăm năm rồi.

#### **B4. Bốn kinh phiên dịch.**

Sự phiên dịch của kinh này, từ niên hiệu Vĩnh Khang đời Tây Tấn cho đến niên hiệu Nhân Thọ đời Tùy, trong khoảng ba trăm năm, đã được phiên dịch ba lần. Bản [kinh mà chúng ta giảng giải] hiện nay là do ngài [Sa môn] Cưu Ma La Thập đời Diêu Tần phụng chiếu dịch, tức là bản dịch lần thứ hai. Hiện nay từ bài Pháp Hoa Hoàng Truyền Tự của ngài Đạo Tuyên có thể biết được khái quát về ba bản phiên dịch này.

(1) "Đời vua Huệ Đế nhà Tây Tấn, niên hiệu Vĩnh Khang, ngài Đôn Hoàng Bồ tát Trúc Pháp Hộ, ở Thanh Môn, thành Trường An, phiên dịch kinh này, đặt tên là Chánh Pháp Hoa." Tây Tấn là nêu lên sự khác biệt với đời Đông Tấn. Niên hiệu Vĩnh Khang đời vua Huệ Đế nhà Tây Tấn là nêu lên niên hiệu cho lần phiên dịch đầu tiên. Trường An là kinh đô của nhà Tây Tấn. Thanh Môn là một cửa thành của Trường An, nêu lên địa điểm dịch kinh. Đôn Hoàng Bồ tát Trúc Pháp Hộ, Đôn Hoàng là một địa danh ở Tây Vực, Trúc Pháp Hộ là người Đôn Hoàng, người thời đó gọi ngài là Đôn Hoàng Bồ Tát. Trúc Pháp Hộ, tiếng Phạn là Đàm Ma La Sát (Ở đây chữ Trúc, viết tắt cho Thiên Trúc, ý muốn nói ngài là người Thiên Trúc, tức Ấn Độ). Đây là nêu lên tên người dịch. Kinh được phiên dịch gọi là Chánh Pháp Hoa, đây là tên cho bộ kinh Pháp Hoa được dịch lần đầu tiên.

(2) "Đời vua An Đế nhà Đông Tấn, niên hiệu Long An, tức là đời vua Diêu Hưng, nhà Diêu Tần, niên hiệu Hoàng Thi. Ngài Sa môn Cưu Ma La Thập, người xứ Quy Tư, dịch lại kinh này lần thứ hai, đặt tên là Diệu Pháp Liên Hoa." Phiên dịch lần thứ nhất là cuối đời Tây Tấn, còn phiên dịch lần thứ hai là cuối đời Đông Tấn. Niên hiệu Long An đời vua An Đế là cuối đời Đông Tấn. Niên hiệu Hoàng Thi đời Diêu Tần là một trong ba triều đại

Tần. Đây đều là niên đại phiên dịch. Quy Tư là một trong ba mươi sáu nước ở Tây Vực, hiện nay ở tỉnh Tân Cương. Sa môn là tiếng Phạn, dịch là cần tức. Cần (siêng) tu giới định tuệ, tức (diệt) tham sân si. Cưu Ma La Thập (Kumalajiva) là tiếng Phạn, dịch là Đồng Thọ, bởi vì ngài tuy nhỏ tuổi nhưng đầy đủ đạo hạnh (giống như một bậc trưởng lão). Đây là nêu lên tên người dịch. Kinh được phiên dịch là Diệu Pháp Liên Hoa, tức là bản kinh hiện đang được giảng giải.

(3) "Niên hiệu Nhân Thọ, đời Tùy, ngài Sa môn Xà Na Cấp Đa, người Bắc Thiên Trúc, ở chùa Đại Hưng Thiện, dịch lần sau cùng, cùng tên là Diệu Pháp Liên Hoa." Đây là phiên dịch lần thứ ba, tức là sau đời Tấn và đời Tần, trải qua các triều đại Tống, Tề, Lương, Trần, đến khoảng năm Nhân Thọ đời Tùy mới phiên dịch kinh này. Chùa Đại Hưng Thiện, hiện nay ở Tây An (Trường An cũ), tỉnh Thiểm Tây, là nơi dịch kinh lúc đó. Thiên Trúc, tức là Ấn Độ, dịch nghĩa là Nguyệt Bang, địa hình bán đảo, giống như mặt trăng. Ấn Độ có năm nước, ở đây chỉ cho Bắc Ấn Độ. Xà Na Cấp Đa, dịch nghĩa là Đức Chí (Đức, là đức hạnh, Chí là chí hướng), xem tên suy ngẫm thì có thể biết được người. Phiên dịch lần này cũng đặt tên là Diệu Pháp Liên Hoa, cùng tên với bản dịch của ngài La Thập.

Ba bản dịch này, lần đầu tên là Chánh Pháp Hoa, hai lần sau tên Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên cùng chữ Liên Hoa, chỉ có Chánh và Diệu là hơi khác. Thế nhưng, nghĩa lý của ba bản dịch cũng có sự sai khác. Bản dịch được hoằng truyền phổ biến nhất là bản của ngài La Thập, cho nên ngài Đạo Tuyên nói: "Ba kinh được phiên dịch, nếu đem văn nghĩa để so sánh, thì mọi người đều ưa chuộng bản của ngài La Thập dịch." Ngài Đạo Tuyên là người đời Đường, từ đời Tần đến đời Đường đều là bản của ngài La Thập. Mãi cho đến nay vẫn là bản của ngài La Thập là thịnh hành nhất. Tương truyền, trải qua bảy vị Phật, ngài La Thập đều là người dịch kinh tài ba đệ nhất, cho nên những kinh điển mà ngài phiên dịch, văn nghĩa trong sáng lưu loát, đạt được bốn ý của Phật. Không riêng kinh Pháp Hoa, mà các kinh khác do ngài dịch, như kinh Kim Cương, v.v..., cũng đều lưu truyền thịnh hành nhất.

Tóm lại, kinh Pháp Hoa được phiên dịch ba lần, trong ba bản dịch, bản của ngài La Thập được hoằng truyền thịnh hành nhất. Đến đây đã nêu rõ lý do ngài Pháp sư Cưu Ma La Thập đời Diêu Tần phụng chiếu dịch kinh Pháp Hoa.

## **B5. Thứ tự các phẩm trong kinh.**

Sự tăng giảm kinh văn và thứ tự của các phẩm trong kinh có sự sai khác. Có người nói hai bản dịch Diệu Pháp Liên Hoa đời Tần và đời Tùy đều chỉ có hai mươi bảy phẩm. Vì bản dịch đời Tần không có phẩm Đề Bà Đạt Đa, nên đem phẩm Đề Bà Đạt Đa của bản dịch đời Tùy thêm vào sau phẩm Kiến Bảo Tháp. Hơn nữa, bản dịch đời Tấn, phía dưới phẩm Quang Âm thiếu phần kệ tụng, cho nên đem phần kệ tụng của bản đời Tùy thêm vào bên dưới của phẩm này. Do đây, bản đời Tùy còn có tên là Thiêm Phẩm Diệu Pháp

Liên Hoa. Còn phẩm Đề Bà Đạt Đa trong bản dịch đời Tần là do các bậc cổ đức đời sau thêm vào. Nếu theo ý của ngài Trí Giả thì bản dịch của ngài La Thập vốn có đủ hai mươi tám phẩm, chẳng qua phẩm Đề Bà Đạt Đa lúc ấy còn lưu lại trong cung, chưa được biên nhập để lưu hành mà thôi. Đây là phẩm văn của ba kinh tăng giảm không đồng. Lại như phẩm Chúc Lụy là phẩm thứ hai mươi hai trong bản của ngài La Thập. Còn trong hai bản dịch kia, phẩm Chúc Lụy là phẩm cuối cùng (hai mươi bảy hoặc hai mươi tám). Đây là lý do thứ tự trước sau khác biệt. Những sự tăng giảm, thứ tự xưa nay ghi chép, khó mà khảo xét hết được. Bài Hoàng Truyền Tự của ngài Đạo Tuyên có nói: "Như các phẩm, kệ, không phải không có sự khác biệt, được tường thuật đầy đủ ở những tài liệu khác, cho nên không thuật lại." Thế nhưng, bài Tự (không có tên tác giả) của kinh Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa thuật lại tương đối chi tiết rõ ràng, hiện nay trích lục như sau:

"Khi xưa, Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ vào đời Tây Tấn dịch Chánh Pháp Hoa Kinh. Đến đời Diêu Tần, vua Diêu Hưng lại thỉnh ngài La Thập dịch Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Khảo sát kiểm điểm hai bản dịch, chắc chắn không phải cùng một bản tiến Phạn. Nguyên bản của ngài Pháp Hộ có lẽ là bản lá bối (nguyên gốc từ Ấn Độ?), còn nguyên bản của ngài La Thập có lẽ là bản tiếng Phạn (sao lại) của nước Quy Tư. Tôi kiểm tra Kinh tạng, kiểm tra đầy đủ hai bản, bản lá bối phù hợp với Chánh Pháp Hoa, còn bản của nước Quy Tư thì đồng với Diệu Pháp Liên Hoa. Bản lá bối của ngài Pháp Hộ còn có chỗ thiếu sót, lẽ nào văn của ngài La Thập không có chỗ khiếm khuyết? Nhưng mà chỗ thiếu sót của bản của ngài Pháp Hộ chính là phẩm Phổ Môn, còn chỗ khiếm khuyết của bản của ngài La Thập là phân nửa phẩm Dược Thảo Dụ, hai phần đầu của phẩm Phú Lô Na (Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký), và phẩm Pháp Sư, phẩm Đề Bà Đạt Đa và phần kệ của phẩm Phổ Môn. Ngài La Thập lại dời phẩm Chúc Lụy ra phía trước phẩm Dược Vương. Hai bản đời Tấn và đời Tần lại đặt phẩm Đà La Ni ra phía sau phẩm Phổ Môn, sự đồng dị giữa hai bản này, không thể nói hết. Tôi thấy phẩm Đề Bà Đạt Đa và phần kệ của phẩm Phổ Môn đã được các bậc tiền bối lần lượt bổ túc lưu hành, cho nên ngưỡng mộ những quy củ mà người xưa đã thiết định. Vào năm Tân Dậu, niên hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất đời Tùy, nhân sự thỉnh cầu của Sa môn Thượng Hạnh của chùa Phổ Diệu, (tôi) bèn cùng hai vị Tam tạng Pháp sư Quạt Đa và Cấp Đa, ở tại chùa Đại Hưng Thiện, khám lại bản lá bối của Ấn Độ thì thấy rằng phần đầu của hai phẩm Phú Lô Na (Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký) và phẩm Pháp Sư, bản lá bối vẫn còn thiếu, phẩm Dược Thảo Dụ được tăng thêm một nửa, phẩm Đề Bà Đạt Đa được nhập chung vào phẩm Kiến Bảo Tháp, phẩm Đà La Ni được đặt sau phẩm Như Lai Thần Lực, còn phẩm Chúc Lụy thì đặt lại vào phần cuối. Những chữ, những câu sai sót cũng được cải chánh."

Lại nữa, gần đây học giả Nhật Bản là ông Cảnh Dã Hoàng Dương đã sáng tác quyển Chi Na Phật Giáo Sử Giảng Thoại, trong quyển thượng, thiên thứ hai, chương thứ nhất, phần Học Thống của ngài Cư Ma La Thập, đối với sự tăng giảm của ba bản dịch, thứ tự trước sau, danh mục khác biệt của các phẩm, đã chế ra một đồ biểu so sánh, hiện nay ghi lại để người đọc có thể thấy được rõ ràng.

<b>Chánh Pháp Hoa</b>	<b>Diệu Pháp Hoa</b>	<b>Thiền Phẩm Pháp Hoa</b>
Quang Thụy Phẩm 1	Tự Phẩm 1	Tự Phẩm 1
Thiện Quyền Phẩm 2	Phương Tiện Phẩm 2	Phương Tiện Phẩm 2
Ứng Thời Phẩm 3	Thí Dụ Phẩm 3	Thí Dụ Phẩm 3
Tín Nhạo Phẩm 4	Tín Giải Phẩm 4	Tín Giải Phẩm 4
Dược Thảo Phẩm 5	Dược Thảo Dụ Phẩm 5	Dược Thảo Dụ Phẩm 5
Thọ Thanh Văn Quyết Phẩm 6	Thọ Ký Phẩm 6	Thọ Ký Phẩm 6
Vãng Cổ Phẩm 7	Hóa Thành Dụ Phẩm 7	Hóa Thành Dụ Phẩm 7
Thọ Ngũ Bách Đệ Tử Quyết Phẩm 8	Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký Phẩm 8	Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký Phẩm 8
Thọ A Nan La Vân Quyết Phẩm 9	Thọ Học Vô Học Nhân Ký Phẩm 9	Thọ Học Vô Học Nhân Ký Phẩm 9
Dược Vương Như Lai Phẩm 10	Pháp Sư Phẩm 10	Pháp Sư Phẩm 10
Thất Bảo Tháp Phẩm 11	Kiến Bảo Tháp Phẩm 11	Kiến Bảo Tháp Phẩm 11 (hai phẩm 11, 12 của hai bản dịch trước hợp lại thành một phẩm)
Phạm Chí Phẩm 12	Đề Bà Đạt Đa Phẩm 12	
Khuyến Thuyết Phẩm 13	Trì Phẩm 13	Khuyến Trì Phẩm 12
An Hạnh Phẩm 14	An Lạc Hạnh Phẩm 14	An Lạc Hạnh Phẩm 13
Bồ Tát Tùng Địa Dũng Xuất Phẩm 15	Tùng Địa Dũng Xuất Phẩm 15	Tùng Địa Dũng Xuất Phẩm 14
Như Lai Hiện Thọ Phẩm 16	Như Lai Thọ Lượng Phẩm 16	Như Lai Thọ Lượng Phẩm 15
Ngự Phước Sự Phẩm 17	Phân Biệt Công Đức Phẩm 17	Phân Biệt Công Đức Phẩm 16
Khuyến Trợ Phẩm 18	Tùy Hỷ Công Đức Phẩm 18	Tùy Hỷ Công Đức Phẩm 17
Thán Pháp Sư Phẩm 19	Pháp Sư Công Đức Phẩm 19	Pháp Sư Công Đức Phẩm 18
Thường Bị Khinh Mạn Phẩm 20	Thường Bất Khinh Bồ Tát Phẩm 20	Thường Bất Khinh Bồ Tát Phẩm 20
Như Lai Thần Túc Phẩm 21	Như Lai Thần Lực Phẩm 21	Thần Lực Phẩm 20
Dược Vương Bồ Tát Phẩm 22	Chúc Lụy Phẩm 22	Đà La Ni Phẩm 21
Diệu Hống Bồ Tát Phẩm 23	Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự Phẩm 23	Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự Phẩm 22
Quang Thế Âm Phổ Môn Phẩm 24	Diệu Âm Bồ Tát Phẩm 24	Diệu Âm Bồ Tát Phẩm 23
Tổng Trì Phẩm 25	Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm 25	Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm 24
Tịnh Phục Tịnh Độ Phẩm 26	Đà La Ni Phẩm 26	Diệu Trang Vương Bốn Sự Phẩm 25
Lạc Phổ Hiền Phẩm 27	Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự Phẩm 27	Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát Phẩm 26
Chúc Lụy Phẩm 28	Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát Phẩm 28	Chúc Lụy Phẩm 27



Trong đồ biểu gốc, kinh Chánh Pháp Hoa không có phẩm Phạm Chí, chỉ có hai mươi bảy phẩm. Hiện nay y vào Đại Tạng Kinh đời Thanh thêm vào cho nên có hai mươi tám phẩm. Lại nữa, trong đồ biểu gốc có liệt kê thứ tự của các quyển, nhưng lại ghi bản đời Tần có tám quyển, không phù hợp với bản hiện nay (chỉ có bảy quyển), cho nên chúng tôi đã lược bỏ số thứ tự của các quyển.

## **B6. Bốn kinh giảng tụng.**

Bài Hoằng Truyền Tự của ngài Đạo Tuyên Luật Sư nói: "Từ đời Hán đến đời Đường, hơn sáu trăm năm, số kinh điển [được phiên dịch] tổng cộng có hơn bốn ngàn quyển, nhưng thọ trì long thành, không có kinh nào hơn kinh này." Tức là ở Trung Quốc, sự giảng thuyết và tụng trì kinh Pháp Hoa này đã phá kỷ lục của tất cả các kinh khác. Không chỉ từ đời Hán đến đời Đường, hơn sáu trăm năm, sự hoằng truyền được long thành như vậy, mà cho đến nay, khoảng một ngàn năm sáu trăm năm, sự hoằng truyền trì tụng có bao giờ mà không long thành đâu? Cho nên xưa nay các hàng tỳ kheo, v.v..., trì tụng kinh này, sự cảm ứng đạo giao, khai thị ngộ nhập cũng là nhiều vô lượng. Như ngài Trí Giả Đại Sư tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Bốn Sự, câu "Đây mới là chân thực tinh tấn, đây gọi là chân pháp cúng dường Như Lai", thì được hoá nhiên đại ngộ. Lại như ngài Nghĩa Hưng, vị khai sơn chùa Thiên Đồng ở núi Thái Bạch, ở Ninh Ba, tụng kinh Pháp Hoa, cảm ứng Thái Bạch Tinh hóa hiện thành một thiên đồng đến dâng cúng. Lại như Pháp Hoa Nhục Thân Bồ Tát ở chùa Phổ Tế ở Từ Khê nhục thân không hoại cũng là do công đức tụng trì kinh Pháp Hoa mà được như vậy. Lại như tỳ kheo ni Tổng Trì ở chùa Bạch Tước ở Hồ Châu, sau khi chết được mai táng, sau đó trên phần mộ mọc một nhánh hoa sen xanh, mọi người truy cứu thì thấy nhánh hoa từ nơi lưởi của bà xuất phát. Đây chẳng phải là do lúc sinh thời tụng trì kinh Pháp Hoa mà được như vậy hay sao? Lại như đời Lương, ngài Pháp Vân Pháp Sư ở chùa Quang Trạch, nhân vua Lương Võ Đế cầu mưa, bèn lập pháp hội giảng kinh Pháp Hoa, tức thời đạt được sự cảm ứng (mưa xuống). Những sự kiện giống như vậy, đọc tụng, giảng giải kinh Pháp Hoa mà đạt được cảm ứng không thể kể hết được. Lại như các bậc cổ đức xưa nay, khi giảng kinh, đối với các kinh khác còn có chỗ khen chê, riêng đối với kinh Pháp Hoa này, không ai là không tin tưởng, kính trọng. Cho nên được hoằng truyền long thành và được nhiều người chú sớ thì chỉ có kinh này là nhiều nhất. Y vào đây mà được công đức, tán thán khôn cùng. Cho nên các vị đang nghe giảng Pháp Hoa hiện nay, cần phải đối với kinh Diệu Pháp Liên Hoa này sinh khởi tâm kính trọng, sinh khởi ý tưởng khó gặp, cung kính phụng trì.

(Thủ Chí ghi lại, được đăng trên Hải Triều Âm, quyển 15, kỳ 6)

TPC dịch từ ngày 13 đến ngày 27 tháng 9, 2018.